

Số: 413 /BC-UBND

Tuần Giáo, ngày 12 tháng 6 năm 2023

## **BÁO CÁO**

**Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội,  
đảm bảo quốc phòng-an ninh 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ  
và giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023**

### **Phần thứ nhất**

## **TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG -AN NINH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

### **A. TÌNH HÌNH CHUNG**

#### **I. THUẬN LỢI**

- Huyện tiếp tục nhận được sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ kịp thời của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh, các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh.
- Hoạt động chỉ đạo điều hành của UBND huyện có nhiều chuyển biến tích cực, cùng với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện uỷ, Thường trực HĐND, sự phối hợp chặt chẽ của Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể huyện đã kịp thời xử lý, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch đề ra.
- Các phong trào thi đua yêu nước tiếp tục được triển khai mạnh mẽ tạo động lực thúc đẩy phát triển sản xuất, đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội, phấn đấu hoàn thành thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch đề ra. Công tác cải cách hành chính, củng cố bộ máy tổ chức, công tác cán bộ tiếp tục được quan tâm chỉ đạo và kiện toàn. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững.
- Các cấp ủy, chính quyền trên địa bàn trên dưới đồng lòng; nâng cao tinh thần trách nhiệm, dám nghĩ, dám làm đổi mới sáng tạo trong mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

#### **II. KHÓ KHĂN**

- Tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, thời tiết khô hạn kéo dài gây ảnh hưởng xấu đến sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.
- Nguồn lực đầu tư còn hạn chế.
- Một số dự án tiểu dự án thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia còn chưa có hướng dẫn cụ thể, chi tiết từ các bộ, ngành dẫn đến vướng mắc trong triển khai thực hiện.
- Năng lực chuyên môn của một số cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đối với cấp xã chưa đáp ứng được yêu cầu công việc; một bộ phận nhân dân, nhất là người nghèo vẫn còn tư tưởng trông chờ vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước, chưa có ý thức, quyết tâm phấn đấu vươn lên thoát nghèo.

## B. VỀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

### I. LĨNH VỰC KINH TẾ

#### 1. Kết quả tái cơ cấu ngành nông nghiệp và Sản xuất nông nghiệp - lâm nghiệp – thủy sản

##### 1.1. Tái cơ cấu ngành nông nghiệp:

Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp đi vào thực chất, đúng hướng:

- Cải tạo và phục hồi 400 ha cây ăn quả đã đầu tư từ giai đoạn trước, trong 6 tháng đầu năm đã có 100 ha cây ăn quả trên địa bàn cho thu hoạch, góp phần tăng thu nhập cho người dân.

- Tích cực nghiên cứu, tập trung nguồn lực các Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG để thực hiện Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu cây trồng; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động; huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị trong phát triển cây Mắc ca: Đến nay, toàn huyện có 2.808 hộ đăng ký trồng Mắc ca với diện tích 1.065 ha (*trong đó có 129,89 ha đăng ký trồng xen gừng để tạo thu nhập trong thời gian Mắc ca chưa ra quả*); thành lập được 155 Tổ hợp tác tại các bản làm đầu mối để phát triển cây Mắc ca. Hiện tại các hộ dân đang hoàn thiện đào hố, tích trữ phân chuồng và chuẩn bị triển khai trồng Mắc ca đúng thời vụ.

- Tiếp tục nghiên cứu, tăng cường tham quan học hỏi kinh nghiệm và phối hợp chặt chẽ với Viện dược liệu Bộ Y tế xây dựng Đề án phát triển vùng dược liệu quý tại xã Tênh Phong. Tổng diện tích cây dược liệu chính hiện có trên địa bàn huyện: 291,8 ha (Thảo quả 83,5 ha, Sa nhân 140 ha, hạt Ý dĩ 65 ha, cây Sâm Ngọc Linh và Sâm Lai Châu khoảng 3,3 ha).

##### 1.2. Trồng trọt:

- Tập trung chỉ đạo nhân dân sản xuất đúng lịch thời vụ; tăng cường kiểm tra và hướng dẫn người dân chủ động chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại và điều tiết nước tưới cho cây trồng. Kết quả gieo trồng một số cây trồng chính:

+ Lúa đông xuân gieo cấy được 1.130/1.100 ha, đạt 102,73% KH, tăng 29,7 ha so cùng kỳ năm trước; năng suất trung bình đạt 61,5 tạ/ha; sản lượng thu hoạch đạt 6.949,5/6.490 tấn, đạt 107% KH.

+ Lúa nương đã gieo trồng được 2.513,5/2.600 ha, đạt 96,6% KH, giảm 471,5 ha so với cùng kỳ năm trước (diện tích giảm chuyển sang trồng Mắc ca).

+ Ngô vụ xuân hè đã gieo trồng được 5.180/5.950 ha đạt 87,05% KH, giảm 774 ha so cùng kỳ năm trước (diện tích giảm chuyển sang trồng Mắc ca).

+ Lạc xuân gieo trồng được 95,7/90 ha đạt 106,3% KH; sản lượng ước đạt 86,1 tấn, đạt 106,3% KH; Rau màu các loại diện tích trồng 330 ha, bằng so cùng kỳ năm trước; năng suất đạt 259,04 tạ/ha; sản lượng đạt 4.320,03 tấn.

- Tiếp tục chăm sóc, bảo vệ cây công nghiệp dài ngày và một số cây trồng khác gồm: 1.291,9 ha cao su; 471,5 ha cà phê; 1.566,09 ha mắc ca và 206 ha cây táo mèo...

### **1.3. Chăn nuôi, thủy sản:**

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các biện pháp kỹ thuật trong phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm; đặc biệt chỉ đạo cơ quan, đơn vị chuyên môn tăng cường xuống cơ sở kiểm tra và hướng dẫn công tác phòng, chống đói rét cho trâu, bò. Triển khai các biện pháp phòng chống bệnh Nhiệt thán trên đàn gia súc trên địa bàn. Tổng đàn gia súc đạt 87.930 con, đạt 97,1% KH (trong đó: Đàn trâu đạt 18.450 con; đàn bò đạt 18.480 con; đàn lợn đạt 51.000 con). Tổng đàn gia cầm đạt 935.600 con, đạt 100,5% KH, giảm 40.754 con so với cùng kỳ năm trước. Tổ chức tiêm phòng đại cho 7.149 con chó, mèo. Kiểm soát giết mổ ước 6 tháng được 2.908 con lợn, 292 con trâu bò thu nộp ngân sách 24.444.000 đồng.

- Duy trì diện tích thủy sản hiện có là 295 ha; sản lượng nuôi trồng đạt 195 tấn, tăng 2 tấn so với cùng kỳ năm trước, đạt 45,3 % KH; Sản lượng khai thác là 4,2 tấn, giảm 0,4 tấn so với cùng kỳ năm trước, đạt 32,3% KH.

### **1.4. Lâm nghiệp:**

- Tích cực kiểm tra, đánh giá chất lượng rừng chăm sóc đối với diện tích rừng thuộc Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững và nguồn nộp tiền trồng, chăm sóc rừng trồng thay thế đang trong giai đoạn đầu tư. Chăm sóc bảo vệ rừng trồng<sup>1</sup>. Trồng 50 ha rừng phòng hộ, đạt 100% KH, tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân trồng rừng sản xuất (KH năm 2023 là 50 ha).

- Tổ chức 140 lượt tuần tra, kiểm tra rừng công tác kiểm tra, bảo vệ rừng<sup>2</sup>; Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phòng chống cháy rừng; đặc biệt trong đợt nắng nóng, khô hạn cao điểm<sup>3</sup>. Chỉ đạo Hạt kiểm lâm, Công an huyện, Viện kiểm sát nhân dân và các đơn vị chuyên môn xác minh hiện trường, củng cố hồ sơ các vụ vi phạm phá rừng, đốt rừng làm nương trên địa bàn<sup>4</sup>.

### **1.5. Công tác thủy lợi, nước sinh hoạt và phòng chống thiên tai:**

- Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn, các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn thực hiện quản lý tốt nguồn nước, bảo đảm phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh.

- Duy trì công tác trực phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cập nhật thông tin dự báo thời tiết thông báo tới các xã chủ động phòng, chống giảm nhẹ thiệt hại<sup>5</sup>; kịp thời di dời 18 hộ tại điểm dân cư Co Ngự, bản Huồi Lót, xã

<sup>1</sup> Chăm sóc rừng trồng: Phòng hộ năm 2, 3: 144,9ha; Sản xuất năm 2: 29,6ha; Thay thế năm 2, 3, 4: 77,38ha; Bảo vệ rừng trồng thay thế năm 1, 3, 4: 73,14ha. Khoanh nuôi tái sinh chuyên tiếp năm 3, 4, 5, 6: 435,4ha.

<sup>2</sup> Kiểm tra, phát hiện phá rừng làm nương tại bản Kê Cài, xã Ta Ma với tổng diện tích 3,07 ha rừng phòng hộ; Kịp thời phát hiện và xử lý các vụ cháy rừng: Tại xã Phình Sáng với diện tích bị cháy 2,0 ha; tại xã Mường Khong diện tích bị cháy 8,1 ha; tại xã Nà Tông xảy ra cháy đối với 0,2 ha cây cao su của Công ty cổ phần cao su Điện Biên.

<sup>3</sup> Tổ chức 28 cuộc họp dân với 1.869 lượt người tham gia nhằm tuyên truyền công tác quản lý bảo vệ và PCCCR trong mùa khô hanh.

<sup>4</sup> Quyết định khởi tố, bắt tạm giam đối với 01 vụ, 02 đối tượng vi tội "Hủy hoại rừng" tại xã Ta Ma.

<sup>5</sup> Tổng hợp thiệt hại do thiên tai đến thời điểm báo cáo: 20 hộ gia đình bị ảnh hưởng do mưa giông gây tốc mái, bùn trôi lấp vào nhà (xã Tênh Phong 04 hộ, xã Mường Mùn 05 hộ, xã Chiềng Sinh 11 hộ), ước thiệt hại 300

Mùng Mùn ra khỏi vùng nguy cơ sạt lở cao. Tích cực kiểm tra, chỉ đạo các cơ quan đơn vị xử lý các điểm sạt lở do đợt mưa lớn đầu tháng 6/2023 tại các xã Pú Xi, Mùn Chung, Rạng Đông, Phình Sáng.

## **2. Về sản xuất công nghiệp, xây dựng và quy hoạch đô thị**

### **2.1. Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:**

- Khuyến khích phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, tạo môi trường thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp như: Sản xuất vật liệu xây dựng thông thường, cơ khí, chế biến nông, lâm sản...

- Chỉ đạo thực hiện tốt sản xuất công nghiệp trên địa bàn, cụ thể: Nước máy sản xuất: 350.000m<sup>3</sup>; gạch các loại: 11,2 triệu viên; đá khai thác: 18.000m<sup>3</sup>; Sản lượng điện phát ra: 50 triệu kWh.

### **2.2. Đầu tư - xây dựng:**

- Tập trung chỉ đạo các cơ quan chuyên môn được giao nhiệm vụ chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy nhanh công tác chuẩn bị đầu tư, GPMB nhằm đảm bảo tiến độ các công trình đã được phê duyệt. Tăng cường quản lý đầu tư để giảm giá thành xây lắp các công trình đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Kiểm soát chặt chẽ tiến độ thực hiện dự án, kế hoạch vốn được giao; quản lý tốt chất lượng công trình, nghiệm thu khối lượng, thanh toán, quyết toán các công trình hoàn thành đưa vào sử dụng đúng quy định. Kết quả thực hiện trong 6 tháng đầu năm như sau:

- |                                         |                                     |
|-----------------------------------------|-------------------------------------|
| + Kế hoạch vốn giao năm 2023:           | 328.581,7 triệu đồng.               |
| + Giá trị khối lượng thực hiện ước đạt: | 82.986,6 triệu đồng.                |
| + Giá trị thanh toán giải ngân ước đạt: | 120.985,7 triệu đồng (đạt 36,2% KH) |

*(Chi tiết có Phụ biểu 02 kèm theo)*

### **2.3. Công tác quy hoạch, phát triển đô thị:**

- Đổi mới tư duy, tầm nhìn phát đô thị bền vững theo hướng đô thị xanh, hiện đại góp phần thay đổi diện mạo của huyện: Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm thị trấn Tuần Giáo đối với các Khu dân cư số 1, Khu dân cư số 2, Khu dân cư mới số 3 và Chợ trung tâm huyện Tuần Giáo; Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, phương án kiến trúc xây dựng, Dự án Hạ tầng nút giao thông ngã ba khu vực dốc Đỏ, Hạ tầng khu đất Phòng Văn hóa + Bãi chiếu phim + Thiết bị sách...

- Chỉ đạo tăng cường kiểm tra về thực hiện Quy chế quản lý đô thị thị trấn Tuần Giáo. Cấp phép xây dựng tư nhân cho 13 trường hợp.

### **3. Về quản lý tài nguyên - môi trường**

- Chỉ đạo, hướng dẫn UBND các xã, thị trấn tăng cường quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên khẩn trương giải quyết khó khăn vướng mắc trong công tác GPMB<sup>6</sup>. Hoàn thành thông kê đất đai năm 2022 và hoàn thiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023. Thực hiện cấp giấy phép môi trường cho 01 dự án đầu tư trên địa bàn.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 2783/KH-UBND ngày 20/9/2019 của UBND tỉnh Điện Biên: Thực hiện đo đạc diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng tại 07 xã với tổng diện tích là 9.071,79 ha; lũy kế đến nay đã đo đạc 38.181,94 ha đất lâm nghiệp, đạt 80% kế hoạch. Cấp GCNQSD đất lâm nghiệp có rừng cho 107 chủ rừng (14 cộng đồng, 93 hộ gia đình, cá nhân) với tổng diện tích 439,66 ha.

- Chỉ đạo cấp giấy chứng nhận QSD đất và tài sản gắn liền với đất cho 147 hộ gia đình, cá nhân; chuyển mục đích sử dụng đất đối với 08 trường hợp; đăng ký và xóa thế chấp cho 214 hồ sơ. Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất thành công đối với thửa đất 71,5m<sup>2</sup> thuộc khối Thắng Lợi, thị trấn Tuần Giáo, thu nộp Ngân sách Nhà nước gần 6,2 tỷ đồng.

- Tiếp tục thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt... đảm bảo vệ sinh môi trường tại thị trấn Tuần Giáo và các xã: Quài Tở, Quài Cang, Quài Nưa.

### **4. Các ngành dịch vụ**

- Thương mại dịch vụ khá sôi động, hàng hóa đa dạng phong phú đáp ứng nhu cầu mua sắm và tiêu dùng của nhân dân.

- Cấp mới giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho 62 hộ kinh doanh và 1 hợp tác xã với tổng số vốn kinh doanh hơn 45,5 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho 116 lao động. Cấp giấy phép bán lẻ khí hóa lỏng ga cho 2 hộ kinh doanh; Cấp giấy phép kinh doanh thuốc, rượu cho 3 hộ kinh doanh trên địa bàn huyện Tuần Giáo.

- Các hoạt động bưu chính - viễn thông tiếp tục được duy trì và nâng cao chất lượng dịch vụ. Công văn, thư, báo được chuyển phát kịp thời, đảm bảo mạng lưới thông tin thông suốt; công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan hành chính được đẩy mạnh.

### **5. Tài chính – Ngân hàng**

#### **5.1. Hoạt động tài chính:**

Tăng cường công tác quản lý về thu, chi NSNN, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ thu, chi theo dự toán và tuân thủ đúng Luật Ngân sách Nhà nước. Đảm bảo chi đầy đủ, đúng tiêu chuẩn, chế độ, chính sách đặc biệt lưu ý các chính

<sup>6</sup> Thu hồi đất 02 công trình: Đường từ Ngầm Chiềng An - đến khối Đoàn Kết và Công trình: Đường dây 220kv Sơn La - Điện Biên (đoạn tuyến trên địa bàn huyện Tuần Giáo 02 công trình: Hạ tầng khu đất số 3 khối Sơn Thủy; Công viên cây xanh trung tâm huyện Tuần Giáo; chỉ đạo các cơ quan đơn vị liên quan thẩm định phương án bồi thường hỗ trợ và TĐC; 02 công trình: Đường Phình Sáng - Mường Giàng (huyện Quỳnh Nhai) Tuần Giáo; Công viên cây xanh trung tâm huyện Tuần Giáo. Tiến hành phê duyệt phương án bồi thường và tái định cư 01 công trình: Nâng cấp đường từ Ngầm Chiềng An đến khối Đoàn Kết).

sách chi trực tiếp cho con người và các nhiệm vụ chi cấp bách. Cụ thể:

- Tổng thu ngân sách địa phương: 444.618/948.814 triệu đồng, đạt 46,9% dự toán (Trong đó: Thu NSNN trên địa bàn ước: 24.000/54.000 triệu đồng, đạt 44,4% dự toán, đạt 144,6% so với cùng kỳ năm trước).

- Tổng chi ngân sách: 391.332/948.814 triệu đồng, đạt 41,2% dự toán, đạt 123,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Chi đầu tư phát triển đạt 21.942/36.868 triệu đồng, đạt 59,5% dự toán; Chi thường xuyên đạt 312.077/683.144 triệu đồng, đạt 45,7% dự toán.

### **5.2. Hoạt động ngân hàng:**

- Các ngân hàng đã chủ động về nguồn vốn để đầu tư tín dụng trên địa bàn đảm bảo đúng đối tượng, đúng quy định, đúng mục đích góp phần phát triển sản xuất, kinh doanh, ổn định kinh tế địa phương. Cụ thể:

- Ngân hàng Chính sách xã hội có tổng nguồn vốn tín dụng: 660,1 tỷ đồng, tổng dư nợ: 659 tỷ đồng, nợ quá hạn chiếm 0,22% tổng dư nợ.

- Ngân hàng No&PTNT có tổng nguồn vốn huy động đạt 631 tỷ đồng; tổng dư nợ đạt 682 tỷ đồng.

- Ngân hàng Bưu điện Liên Việt (phòng giao dịch Tuần Giáo) có tổng nguồn vốn huy động: 190 tỷ đồng; tổng dư nợ: 100 tỷ đồng.

- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (chi nhánh huyện Tuần Giáo) có tổng nguồn vốn huy động: 150 tỷ đồng; tổng dư nợ: 185 tỷ đồng.

## **II. VỀ LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI**

### **1. Giáo dục - Đào tạo**

- Tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng, quản lý và sử dụng hiệu quả hệ thống trường lớp, cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học, hiện tại toàn huyện có 66 trường<sup>7</sup> (trong năm học xây dựng thêm 02 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 100%KH; nâng số trường đạt chuẩn quốc gia lên 57 trường, đạt 86,4% tổng số trường). Chỉ đạo ngành giáo dục hoàn thành kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 với kết quả cao<sup>8</sup>; huy động, duy trì số lượng học sinh, ổn định, nề nếp trường lớp học với 27.947 học sinh<sup>9</sup>, đạt 99,7% KH. Nghiên cứu nội dung, đề xuất lựa chọn sách giáo khoa lớp 4, lớp 8 và lớp 11 năm học 2023-2024 theo kế hoạch; tham gia các chương trình tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn theo kế hoạch

<sup>7</sup> Gồm: 24 trường học Mầm non, 21 trường Tiểu học, 17 trường THCS và 4 trường THPT.

<sup>8</sup> Tỷ lệ học sinh chuyên lớp: 99,87%, thấp hơn 0,4% so với cùng kỳ năm 2021, đạt kế hoạch giao, trong đó: Cấp tiểu học: 8.378/8.386 (tỷ lệ 99,91%), cấp THCS: 5.315/5.325 đạt tỷ lệ 99,81% (trong đó có 10 học sinh của trường THCS&THPT Quài Tờ lưu ban); tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học: 100%, bằng cùng kỳ năm 2021, đạt kế hoạch giao; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS: 99,87% (1.585/1.587), bằng với cùng kỳ năm 2021, vượt chỉ tiêu kế hoạch giao 0,07%.

<sup>9</sup> Giáo dục Mầm non: 306 lớp với 8.068 trẻ, đạt 100,8% KH; Giáo dục tiểu học: 408 lớp với 10.336 học sinh, đạt 99,9% KH; Giáo dục trung học cơ sở: 202 lớp (tính cả lớp và học sinh THCS của trường THCS&THPT Quài Tờ) với 7.108 học sinh, đạt 98,7% KH; Giáo dục trung học phổ thông: 2.266 học sinh, đạt 91,6% KH. Trung tâm GDNN-GDTX: 04 lớp với 124 học sinh, đạt 124% KH.

của Sở Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức và tham dự các kỳ thi đạt kết quả cao<sup>10</sup>. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan, các trường THPT trên địa bàn huyện chủ động tích cực phối hợp, chuẩn bị tốt để tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023<sup>11</sup>.

- Tổ chức đào tạo nghề cho 702 lao động nông thôn, đạt 70,2% KH. Tiếp tục duy trì 04 lớp bồi túc THPT với 124 học sinh, đạt 124% KH; duy trì 05 lớp trung cấp với 127 học sinh; tổ chức tốt nghiệp cho 01 lớp với 26 học viên.

## **2. Văn hoá - Thông tin, thể dục thể thao và Truyền thanh - Truyền hình**

- Tổ chức tuyên truyền lưu động được 30 buổi (60 lượt) phục vụ trên 50 ngàn lượt người được nghe; bảo đảm truyền dẫn phát sóng 18 giờ/ngày. Sản xuất 332 tin, 452 bài trên sóng FM qua hệ thống loa truyền thanh về các ngày lễ, Tết, các ngày kỷ niệm và các sự kiện trọng đại của Đất nước, của tỉnh, của huyện<sup>12</sup>.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn, UBND các xã, thị trấn tổ chức các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao theo từng thời điểm, bảo đảm các quy định về phòng, chống dịch Covid-19. Duy trì 177 đội văn nghệ cơ sở; tham gia đầy đủ các hoạt động văn hóa thể thao cấp tỉnh<sup>13</sup>.

- Tiếp tục triển khai khảo sát các điểm có tiềm năng để chuẩn bị các điều kiện xây dựng Bản văn hóa du lịch cộng đồng trên địa bàn huyện như: Bản Lồng - xã Tỏa Tình, Bản Có - xã Quài Tở, Bản Ten Hon - xã Tân Phong.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và “Phòng, chống bạo lực gia đình” trên địa bàn huyện; đôn đốc các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, các xã, thị trấn, bản làng, khối phố đăng ký các danh hiệu văn hóa năm 2023<sup>14</sup>.

<sup>10</sup> Cụ thể: Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh năm học 2022-2023 (Kết quả: 58/58 GV được công nhận danh hiệu, 09 GV được Sở GD&ĐT tặng Giấy khen); Kỳ thi Học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh năm học 2022-2023 (Kết quả: Nhất 02 giải, Nhì 03 giải, Ba 31 giải, Khuyến khích 21 giải, xếp thứ 3/10 huyện, thị); Tham gia giải thi đấu thể thao HS phổ thông tỉnh Điện Biên lần thứ I, năm 2023, kết quả đạt 18 giải (Kết quả: Nhất 06 giải, Nhì 05 giải, Ba 07 giải).

<sup>11</sup> Năm 2023 dự kiến trên địa bàn huyện Tuần Giáo có 732 thí sinh dự thi tốt nghiệp THPT, tại 3 điểm thi: Trường THPT Tuần Giáo, PT DTNT THPT Tuần Giáo, trường THCS&THPT Quài Tở.

<sup>12</sup> Chào đón năm mới 2023; Kỷ niệm 93 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023; An toàn giao thông, an toàn thực phẩm; Về tấn công trấn áp tội phạm, cấm buôn bán tàng trữ, sử dụng các loại pháo, chất gây nổ, phòng chống cháy rừng mùa hanh khô; Lễ giao nhận quân 2023; Chào mừng 68 năm ngày thầy thuốc Việt Nam (27/2/1955 -27/2/2023); Ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3; Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương (10/3 Âm lịch); Ngày Quốc tế Hạnh phúc (20/3); 92 năm ngày thành lập Đoàn TNCSHCM (26/3/1931-26/3/2023); Ngày Thể thao Việt Nam 27/3; Các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, an ninh quốc phòng; các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước; Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam 21/4; Kỷ niệm 48 năm ngày giải phóng Miền Nam (30/4/1975- 30/4/2023) và ngày Quốc tế lao động 1/5; Ngày sách Việt Nam 21/4 và Văn hóa đọc Việt Nam; 69 năm Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (07/5/1954-07/5/2023); 133 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2023); hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia phòng chống thiên tai 2023; Ngày Quốc tế Thiếu nhi 01/6; Ngày Gia đình Việt Nam 28/6...

<sup>13</sup> Cử đoàn tham gia Lễ hội Hoa Ban năm 2023 và Ngày hội Văn hóa, thể thao, du lịch tỉnh Điện Biên lần thứ VII (Kết quả: Đối với nội dung không gian văn hóa vùng cao, dân ca và âm thực đạt 1 giải A, 3 giải B, 2 giải C; Đối với nội dung thể thao đạt 3 giải nhất, 2 giải nhì, 1 giải ba); Tham gia Hội thi “Tuyên truyền lưu động tỉnh Điện Biên lần thứ XVIII - năm 2023” tại huyện Mường Chà đạt 02 giải A, 02 giải C, 01 giải tuyên truyền viên xuất sắc nhất, 01 giải màn tổng hợp xuất sắc nhất và giải C toàn đoàn.

<sup>14</sup> Kết quả: Có 18.011 hộ gia đình đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, đạt 92,2% tổng số hộ gia đình; 170 bản, khối phố đăng ký xây dựng bản, khối phố văn hóa, đạt 96% tổng số khối, bản; 130 cơ quan, đơn vị đăng ký đạt chuẩn văn hóa năm 2023, đạt 100% kế hoạch; 14 xã đăng ký đạt chuẩn Văn hóa nông thôn mới, đạt 77,7%; thị trấn Tuần Giáo đăng ký đạt Văn minh đô thị, đạt 100% kế hoạch.

- Tiếp tục gìn giữ và phát huy các di sản văn hóa phi vật thể đã được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia có trên địa bàn như: Lễ Pang Phóng của người Kháng; Lễ cúng Thần rừng của người Kháng, xã Rạng Đông; Điệu múa của người Khơ Mú; Nghệ thuật Khèn của người Mông và đặc biệt là Nghệ thuật Xòe của người Thái đã được UNESCO vinh danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác chuyển đổi số, tiến tới xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử<sup>15</sup>. Quan tâm đầu tư, bố trí đa dạng nguồn kinh phí để xây dựng hệ thống thông tin đồng bộ từ huyện tới cơ sở, ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại trong công tác tuyên truyền, quảng bá, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận và tiếp nhận thông tin nhanh chóng, chính xác, cũng như tìm kiếm cơ hội hợp tác về kinh tế - xã hội<sup>16</sup>. Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin trên địa bàn huyện được đầu tư và phát triển, mạng viễn thông, mạng internet cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội, 100% cán bộ, công chức, viên chức thực hiện việc tiếp nhận và xử lý công việc qua phần mềm quản lý văn bản điện tử TD office đảm bảo theo tiến độ, thời gian quy định. Đẩy mạnh thanh toán điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thanh toán không tiền mặt trên địa bàn huyện.

### 3. Công tác y tế-dân số-gia đình-trẻ em

- Thực hiện nghiêm túc chế độ trực cấp cứu, khám chữa bệnh với tổng số lần khám bệnh là 54.413 lượt người, điều trị nội trú cho 6.862 lượt bệnh nhân, điều trị ngoại trú cho 350 lượt bệnh nhân, điều trị dự phòng cho 5.407 lượt người. Các Chương trình mục tiêu Y tế được triển khai theo kế hoạch. Tiếp tục duy trì hoạt động kiểm tra, giám sát công tác đảm bảo an toàn thực phẩm đối với các cơ sở kinh doanh thực phẩm<sup>17</sup>; Triển khai Kế hoạch kiểm tra, giám sát liên ngành công tác đảm bảo an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm tại các bếp ăn tập thể thuộc phân cấp tuyến huyện quản lý<sup>18</sup>. Rà soát, xây dựng và triển khai Kế hoạch xây dựng xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế giai đoạn đến 2030 theo bộ tiêu chí Quốc gia về y tế mới ban hành theo Quyết định số

<sup>15</sup>Ban hành Kế hoạch 226/KH-UBND, ngày 28/11/2022 về Chuyển đổi số của cơ quan Nhà nước huyện Tuần Giáo năm 2023; Quyết định 105/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 về Phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Tuần Giáo”; hành Kế hoạch Kế hoạch số 04/KHUBND, ngày 12/01/2023 Kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử năm 2023 trên địa bàn huyện Tuần Giáo; Kế hoạch số 10/KH-UBND, ngày 17/01/2023 về việc Truyền thông về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn huyện Tuần Giáo; Kế hoạch số 15/KH-UBND, ngày 30/01/2023 về việc Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2023

<sup>16</sup> Tổ chức hỗ trợ đưa 04 sản phẩm gồm: dăm táo mèo, táo mèo ngâm sành, táo mèo khô sấy lạnh, cà phê Hồng kỳ) lên sàn thương mại điện tử.

<sup>17</sup> Kết quả: Tiến hành kiểm tra an toàn thực phẩm đối với 24 cơ sở chế biến, 285 cơ sở kinh doanh thực phẩm, 55 cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, 26 cơ sở chế biến thức ăn đường phố, kết quả 71,9% đạt yêu cầu về VSATTP.

<sup>18</sup> Tiến hành kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm đối với đối với 38 đơn vị (Trong đó: 26 đơn vị trực thuộc Phòng Giáo Dục - Đào tạo huyện, 01 đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục tỉnh Điện Biên; 06 đơn vị nhà trường thuộc Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện không phải bếp ăn bán trú và 11 đơn vị có bếp ăn tập thể còn lại theo Kế hoạch số 36/KH-BCĐ ngày 21/2/2023). Kết quả: Các đơn vị nhà trường có bếp ăn tập thể đều chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật về công tác an toàn thực phẩm tại trường học. Tuy nhiên tại một số đơn vị cơ sở vật chất phục vụ bếp ăn còn chưa được đầu tư đảm bảo.



1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023; Thường xuyên kiểm tra, quản lý và giám sát các cơ sở hành nghề y tư nhân, hành nghề được tư nhân<sup>19</sup>.

- Triển khai hiệu quả các chương trình, hoạt động và các chính sách về Dân số như: Tầm soát các dị dạng, dị tật bẩm sinh; kiểm soát tốc độ gia tăng tỷ số giới tính; truyền thông về Dân số; cung ứng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình...

- Quan tâm, chăm sóc trẻ em<sup>20</sup> và vận động các cơ quan, đơn vị đóng góp Quỹ Bảo trợ trẻ em năm 2023. Chỉ đạo rà soát trẻ em bị khuyết tật để khám sàng lọc; phối hợp với Tổ chức Trẻ em Rừng Xanh họp giao ban tổ hỗ trợ kỹ thuật thí điểm mô hình Ban Phòng chống mua bán người (ATB) tại xã Chiềng Đông.

#### **4. Thực hiện các chính sách xã hội**

##### **4.1. Về xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội:**

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn căn cứ kết quả giảm nghèo năm 2022, xây dựng kế hoạch giảm nghèo năm 2023 chi tiết, cụ thể, bảo đảm phù hợp, khả thi và triển khai thực hiện. Rà soát, tổng hợp nhu cầu về nhà ở của 9.489 hộ người có công, hộ nghèo, hộ cận nghèo đến năm 2025, nhu cầu đến năm 2030. Phê duyệt danh sách 266 hộ nghèo có nhu cầu làm mới nhà ở năm 2023 trên địa bàn huyện. Hoàn thành hỗ trợ 25 nhà (Kế hoạch 40 nhà) thực hiện “chương trình Mái ấm nghĩa tình, an sinh xã hội huyện Tuần Giáo năm 2023”. Tổ chức vận động ủng hộ làm nhà Đại đoàn kết cho người nghèo hưởng tới kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ được 257 triệu đồng (43 tập thể, 35 cá nhân).

- Chỉ đạo rà soát, làm sạch dữ liệu dân cư đối với 6.401 đối tượng bảo trợ xã hội; tiến hành mở tài khoản cho các đối tượng bảo trợ để thực hiện chi trả không dùng tiền mặt tại 3 xã Quài Cang, Quài Nưa, Quài Tở và thị trấn Tuần Giáo. Triển khai thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người có công với cách mạng và các đối tượng bảo trợ xã hội bảo đảm đúng quy định<sup>21</sup>. Chỉ đạo rà soát danh sách hộ gia đình chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện năm 2023.

<sup>19</sup> Hiện tại trên địa bàn huyện có: 13 cơ sở hành nghề y tư nhân; 45 cơ sở hành nghề được tư nhân.

<sup>20</sup> Hỗ trợ kinh phí đi lại cho 01 trẻ em bị tìm bẩm sinh phẫu thuật tại Bệnh viện tim Hà Nội, 01 trẻ em bị chết do mắc bệnh hiểm nghèo; 01 trẻ em bị tai nạn thương tích nặng, 03 trẻ em bị mắc bệnh tan máu bẩm sinh đi truyền máu, tổng kinh phí hỗ trợ 7 triệu đồng. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện hỗ trợ 100 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhận đồ ấm từ Quỹ “Vì người nghèo” Trung ương nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023. Hỗ trợ mua quà tặng 458 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đang được hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng, mỗi suất trị giá 250.000 đồng; hỗ trợ cho 62 trường mầm non, tiểu học và THCS tổ chức ngày Quốc tế Thiếu nhi. Phối hợp với Dự án Tổ chức trẻ em Rừng Xanh bàn giao 09 nhà ở đưa vào sử dụng được hỗ trợ xây dựng cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, tổng kinh phí 630 triệu đồng; Tuyển chọn trẻ em hoàn cảnh đặc biệt khó khăn đưa vào Trung tâm Từ thiện và Hướng nghiệp phật tích, Bắc Ninh

<sup>21</sup> Chính sách người có công: Chi trả chế độ cho 90 đối tượng người có công; chi trả chế độ mai táng phí cho 20 người hoạt động kháng chiến, cựu chiến binh, dân công hỏa tuyến. Đón nhận, truy điệu an táng hài cốt liệt sĩ Lò Văn Kình tại xã Mường Mùn. Thăm, tặng quà cho 10 đối tượng thương binh, bệnh binh tiêu biểu và thân nhân gia đình liệt sĩ. Tổ chức thăm hỏi, tặng quà 187 người có công và thân nhân người có công nhân dịp Tết Nguyên đán. Thăm, tặng quà Chủ tịch nước cho 174 đối tượng người có công và thân nhân gia đình liệt sĩ.

Chính sách bảo trợ xã hội: Trợ cấp xã hội hàng tháng cho 1.036 người cao tuổi, trẻ em mồ côi, người khuyết tật, trẻ em dưới 3 tuổi, người đơn thân đang nuôi con nhỏ. Hỗ trợ đột xuất 55.635 tấn gạo cho 819 hộ nghèo (3.709 khẩu) không có khả năng ăn tết. Rà soát hỗ trợ 104.895 kg gạo đối giáp hạt cho 1.410 hộ với 6.993 nhân khẩu.

#### **4.2. Về phòng, chống tệ nạn xã hội và lao động, việc làm:**

- Triển khai đồng bộ, lồng ghép các hoạt động phòng chống HIV/AIDS như: Thông tin, truyền thông, giám sát, can thiệp giảm hại, hỗ trợ dự phòng lây truyền mẹ con... Duy trì tốt công tác điều trị thay thế nghiện các dạng thuốc phiện bằng Methadone cho 488 đối tượng; Đưa vào cơ sở cai nghiện tập trung 31/25 đối tượng.

- Chủ động phối hợp với Trường Cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam tuyên truyền, tư vấn tuyển lao động đi làm việc tại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ở 7 xã: Chiềng Đông, Chiềng Sinh, Mường Khong, Phình Sáng, Pú Xi, Rạng Đông, Tỏa Tình. Hỗ trợ tiền vé xe cho 23 lao động đang làm việc tại các khu Công nghiệp ngoài tỉnh về nghỉ Tết nguyên đán Quý Mão năm 2023 với tổng kinh phí 20,7 triệu đồng. Giải quyết việc làm cho 624/1.000 lao động, đạt 62,4% KH năm. Tổ chức Hội chợ việc làm năm 2023 tại Trung tâm Đào tạo và Phát triển Cộng đồng huyện với trên 500 đại biểu tham dự.

#### **5. Công tác dân tộc, tôn giáo**

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách cho người có uy tín trên địa bàn huyện. Tổ chức thăm hỏi, tặng quà 167 người có uy tín nhân dịp Tết Nguyên đán với kinh phí 83,5 triệu đồng. Tiến hành lựa chọn 02 đại biểu tham dự Chương trình biểu dương người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số toàn quốc năm 2023. Triển khai các chương trình, dự án, chính sách dân tộc đến với đồng bào dân tộc thiểu số kịp thời, hiệu quả.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; ban hành và triển khai Kế hoạch thực hiện công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo năm 2023; giải quyết kịp thời các nhu cầu tôn giáo chính đáng của chức sắc, tổ chức tôn giáo. Tình hình hoạt động của các điểm nhóm sinh hoạt tôn giáo trên địa bàn được quản lý chặt chẽ<sup>22</sup>.

### **III. LĨNH VỰC TƯ PHÁP, THANH TRA VÀ TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN**

#### **1. Công tác tư pháp**

Tiếp tục triển khai công tác tư pháp năm 2023. Ban hành 9 kế hoạch, 15 quyết định và 25 công văn hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn thực hiện công tác Tư pháp. Cung cấp đầy đủ sổ sách, biểu mẫu hộ tịch cho các xã, thị trấn; công tác quản lý, đăng ký hộ tịch, chứng thực, hòa giải cơ sở thực hiện theo quy định<sup>23</sup>. Hoàn thành công tác rà soát, đối sánh thông tin giữa Sổ hộ tịch và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để thực hiện việc số hóa Sổ hộ tịch.

Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng cho 75 người cao tuổi, người già cô đơn không nơi nương tựa, trẻ em mồ côi, người tàn tật theo ND số 20/2021/NĐ-CP, ngày 15/03/2021 của Chính phủ; điều chỉnh trợ cấp xã hội cho 04 người; Quyết định hỗ trợ chi phí mai táng cho 11 đối tượng.

<sup>22</sup> Đến thời điểm hiện tại trên địa bàn huyện có 16/19 xã, thị trấn, 52 bản có hoạt động tôn giáo với 28 điểm nhóm, trong đó 24 điểm nhóm đã đăng ký hoạt động tập trung; tổng số hộ dân tham gia hoạt động tôn giáo là 696 hộ với 4.206 người.

<sup>23</sup> Kết quả thực hiện: Đăng ký khai sinh 692 trường hợp (Trong đó: đúng hạn 451 trường hợp; quá hạn 241 trường hợp); đăng ký lại 189 trường hợp. Đăng ký khai tử: 195 trường hợp. Đăng ký kết hôn: 261 cặp. Xác nhận tình trạng hôn nhân: 303 trường hợp. Nhận cha-mẹ-con: 81 trường hợp. Thay đổi, cải chính hộ tịch: 131

## 2. Công tác thanh tra, tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Tiếp tục triển khai thực hiện: 04 cuộc thanh tra kinh tế-xã hội<sup>24</sup>, thực hiện 02 cuộc trong kỳ, đã ban hành 03 kết luận<sup>25</sup>; 01 cuộc thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng<sup>26</sup>, thực hiện 01 cuộc trong kỳ; đang tiến hành thanh tra. Hoàn thành việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2022 theo quy định.

- Thực hiện 57 lượt tiếp công dân thường xuyên, định kỳ với 59 lượt người (cấp huyện 23 lượt với 25 người, cấp xã 34 lượt với 34 lượt người) về các nội dung: Tranh chấp đất đai và một số chế độ chính sách khác. Tiếp nhận 75 đơn<sup>27</sup>, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, các xã, thị trấn giải quyết theo quy định.

## 3. Tổ chức chính quyền

- Thực hiện tốt công tác tổ chức cán bộ<sup>28</sup>; giao biên chế công chức hành chính cho các cơ quan chuyên môn thuộc huyện, số lượng người làm việc cho

trường hợp, lệ phí đăng ký hộ tịch: 24.039.000 đồng. Đăng ký nuôi con nuôi: 02 trường hợp. Chứng thực: 10.419 việc; thu lệ phí: 47.985.000 đồng. Cấp bản sao trích lục hộ tịch: 1.465 bản. Hòa giải: 37 vụ (hòa giải thành: 19 vụ, không thành: 15 vụ, đang giải quyết: 03 vụ).

<sup>24</sup> Cụ thể: 01 cuộc thanh tra theo Quyết định số 1673/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 thanh tra việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2020 và 2021 tại UBND các xã: Mường Mùn, Quài Nưa, Mường Thín, Quài Cang, Rạng Đông, Nà Tông (*theo kế hoạch*); 01 cuộc thanh tra theo Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 thanh tra việc chấp hành pháp luật trong quản lý đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn đầu tư giá quyền sử dụng đất năm 2018, 2019, 2020 và 2021 tại Ban quản lý dự án các công trình huyện Tuần Giáo (*theo kế hoạch*); 01 cuộc thanh tra theo Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 về việc thanh tra việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán ngân sách và các hoạt động tài chính khác tại UBND xã Ta Ma (*theo kế hoạch*); 01 cuộc thanh tra theo Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 09/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện Tuần Giáo thanh tra việc chỉ trả chế độ cho nhân viên phục vụ nấu ăn năm 2021 và 2022 tại các Trường Mầm non 20/7, Trường Mầm non Thị trấn và Trường Mầm non Quài Nưa, huyện Tuần Giáo (*đột xuất*).

<sup>25</sup> Kết luận số 73/KL-UBND ngày 03/01/2023 về thanh tra việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2020 và 2021 tại UBND các xã: Mường Mùn, Quài Nưa, Mường Thín, Quài Cang, Rạng Đông, Nà Tông; Kết luận thanh tra số 568/KL-UBND ngày 28/4/2023 về thanh tra việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán ngân sách và các hoạt động tài chính khác tại UBND xã Ta Ma; Kết luận thanh tra số 769/KL-UBND ngày 18/5/2023 về thanh tra việc chấp hành pháp luật trong quản lý đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn đầu tư giá quyền sử dụng đất năm 2018, 2019, 2020 và 2021 tại Ban quản lý dự án các công trình huyện Tuần Giáo.

<sup>26</sup> Thanh tra theo Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện Tuần Giáo về việc thanh tra trách nhiệm của Chủ tịch UBND xã Chiềng Đông trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; việc chấp hành pháp luật trong đầu tư xây dựng.

<sup>27</sup> Gồm: 02 đơn tố cáo và 73 đơn đề nghị; Đơn đủ điều kiện xử lý 65 (Tố cáo 01, đề nghị 64).

Tại UBND huyện: Đơn thuộc thẩm quyền cấp huyện 04 đơn (đã giải quyết 3/4 đơn); Đơn không thuộc thẩm quyền 25 đơn, chuyển đến cấp có thẩm quyền giải quyết theo đúng quy định.

Tại UBND các xã, thị trấn: Đơn đủ điều kiện xử lý 36 đơn (đã giải quyết 30/36 đơn).

<sup>28</sup> Cụ thể: Tuyển dụng 04 công chức cấp xã; thực hiện quy trình tuyển dụng 90 chỉ tiêu viên chức sự nghiệp giáo dục năm 2023. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp cho 179 viên chức giáo viên đang công tác tại các trường học thuộc huyện; bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp cho 17 viên chức sự nghiệp giáo dục hoàn thành chế độ tập sự. Điều động và bổ nhiệm 06 viên chức lãnh đạo, quản lý sự nghiệp giáo dục; bổ nhiệm 02 công chức và 02 viên chức sự nghiệp khác (Phó trưởng phòng Lao động - Thương binh & Xã hội; Phó trưởng phòng Nông nghiệp & PTNT; Phó Giám đốc Ban quản lý dự án các công trình; Phó Giám đốc Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình). Bổ nhiệm lại 01 công chức cấp huyện; giao phụ trách đơn vị sự nghiệp 02 người; biệt phái 01 công chức cấp xã và 02 viên chức; giao thêm nhiệm vụ đối với 04 công chức xã; chuyển

các đơn vị sự nghiệp khác thuộc huyện; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định. Xây dựng và ban hành Phương án giải thể Trung tâm Quản lý đất đai; Đề án kiện toàn, sáp nhập tổ Phát triển quỹ đất từ Trung tâm quản lý đất đai vào Ban Quản lý dự án các công trình - đổi tên thành Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tuần Giáo.

- Xét công nhận và đề nghị các cấp tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân năm 2022. Tổ chức thành công Hội nghị tổng kết thi đua Cụm vùng thấp năm 2022.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính năm 2023 tại các xã, thị trấn và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Văn phòng HĐND và UBND huyện. Ban hành kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công tác cải cách chính chỉ đạo cơ quan chuyên môn dự hội nghị phân tích chỉ số CCHC, chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, kết quả năm 2022 huyện Tuần Giáo đạt 83,288 điểm đứng thứ 7/10 huyện, thị xã, thành phố.

## **IV. LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG - AN NINH**

### **1. Công tác quốc phòng**

Quán triệt và thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, mệnh lệnh các cấp. Thường xuyên duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ an toàn các mục tiêu quan trọng. Ban hành kế hoạch công tác quốc phòng - quân sự địa phương năm 2023. Tiếp nhận 118 quân nhân xuất ngũ hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở lại địa phương. Tổ chức thành công Lễ giao nhận quân 2023 với 152 công dân nhập ngũ (trong đó, Quân sự: 105 công dân; Công an: 47 công dân). Chỉ đạo 19 xã, thị trấn tổ chức thành công Hội nghị tổng kết công tác quốc phòng - quân sự địa phương năm 2022 theo đúng kế hoạch. Tổ chức thành công Lễ ra quân huấn luyện đầu năm, quán triệt mệnh lệnh chiến đấu và phát động phong trào thi đua quyết thắng năm 2023. Tổ chức huấn luyện Dân quân năm thứ nhất và Dân quân binh chủng ngành với 699/707 quân số cho 06 cụm xã, gồm 09 xã; kết quả đạt khá. Tổ chức huấn luyện Dân quân cơ động, tại chỗ cho 16 xã với 613/726 quân số; kết quả đạt khá. Hoàn thành công tác chuẩn bị, phục vụ tốt cho Diễn tập khu vực phòng thủ huyện Tuần Giáo năm 2023.

### **2. Công tác an ninh**

---

công tác theo nguyện vọng 05 viên chức giáo dục; bổ nhiệm 01 viên chức sự nghiệp khác; Thực hiện quy trình cho 02 viên chức sự nghiệp giáo dục chuyên công tác và tiếp nhận 06 viên chức giáo dục. Bổ nhiệm 01 công chức; Trình Sở Nội vụ cho ký kiến về việc điều động, bổ nhiệm 01 cán bộ xã, 01 công chức và nhân sự giới thiệu ứng cử bầu chức danh Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã nhiệm kỳ 2019-2024.

Hoàn thiện quy trình tuyển dụng công chức cấp xã đợt 2-2022: thực hiện đến bước báo cáo kết quả tuyển dụng với Sở Nội vụ. Thực hiện quy trình tuyển dụng viên chức sự nghiệp giáo dục năm 2023: thực hiện xong bước kiểm tra sát hạch (vòng 2) và tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo của quy trình tuyển dụng đảm bảo theo quy định.

Bổ nhiệm, biệt phái công chức, viên chức và giới thiệu cán bộ ứng cử: Tham mưu cho UBND huyện thực hiện quy trình điều động và bổ nhiệm 06 viên chức lãnh đạo, quản lý sự nghiệp giáo dục; tham mưu ban hành Quyết định bổ nhiệm 01 công chức và 02 viên chức sự nghiệp khác (Phó trưởng phòng Lao động – Thương binh & Xã hội; Phó Giám đốc Ban quản lý dự án các công trình; Phó Giám đốc Trung tâm Văn hóa – Truyền thanh – Truyền hình); Điều động 02 công chức nhận nhiệm vụ tại Văn phòng HĐND&UBND huyện.

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân trong phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”. Tăng cường công tác quản lý nhân khẩu, hộ khẩu góp phần hạn chế tình trạng di cư tự do, xuất cảnh trái phép<sup>29</sup>. Chủ động làm tốt công tác phòng ngừa, liên tục tổ chức các đợt cao điểm tấn công trấn áp các loại tội phạm góp phần giữ vững trật tự an toàn xã hội<sup>30</sup>.

Tổ chức thành công Hội nghị sơ kết 01 năm thực hiện Đề án 06, triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2023<sup>31</sup>; tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các dịch vụ công của Đề án 06. Chỉ đạo Công an huyện tiếp tục thu nhận 3.521 hồ sơ cấp Căn cước công dân; tổ chức trả 3.045 thẻ CCCD (lũy kế đã thực hiện trả 69.994 thẻ CCCD); Cấp 10.263 tài khoản định danh điện tử cho công dân trên địa bàn (tổng đã cấp 51.474 tài khoản); hướng dẫn cài đặt phần mềm, kích hoạt định danh điện tử mức 1 cho 117 công dân, mức 2 cho 22.896 công dân (Kết quả năm 2022 là một trong những huyện triển khai Đề án 06 đứng top đầu của tỉnh). Công tác khởi tố, điều tra, xử lý tội phạm được đảm bảo đúng người, đúng pháp luật, không xảy ra oan sai, xét lọt tội phạm<sup>32</sup>. Vận động nhân dân giao nộp 110 khẩu súng các loại, 04 kích điện; bàn giao 01 quả lựu đạn cho Ban Chỉ huy quân sự huyện tiêu hủy theo quy định. Tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, bảo đảm an toàn giao thông trên địa bàn<sup>33</sup>, bảo đảm trật tự an toàn xã hội các dịp lễ, Tết trên địa bàn. Quản lý chặt chẽ các ngành nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT; nắm bắt quản lý chặt chẽ các loại tội phạm liên quan đến cho vay nặng lãi, hoạt động “tín dụng đen”. Triển khai các hoạt động PCCC trên địa bàn theo Kế hoạch.

<sup>29</sup> Quản lý, giám sát hoạt động của 03 lượt đoàn, 04 người quốc tịch nước ngoài đến làm việc trên địa bàn. 11 người nước ngoài thăm thân nhân, lưu trú trên địa bàn. Phát hiện 02 trường hợp xuất cảnh trái phép trở về địa phương; xử phạt VPHC nộp ngân sách 5,5 triệu đồng

Tổ chức xác minh 28 trường hợp không được phía nước ngoài cho cư trú (trong đó 14 trường hợp có hộ khẩu thường trú trên địa bàn, 08 trường hợp cư trú địa phương khác); 08 trường hợp công dân có hộ khẩu thường trú trên địa bàn đề nghị cấp hộ chiếu.

<sup>30</sup> Trên địa bàn xảy ra 08 vụ chết người, kết quả điều tra sơ bộ ban đầu xác định nguyên nhân: 03 người do đuối nước; 01 người do điện giật; 01 người do ăn lá ngón; 02 người do viêm phổi cấp.

Tiếp nhận và giải quyết 33/36 tố giác, tin báo về tội phạm; 100% tin báo, tố giác được tiếp nhận; tỷ lệ giải quyết đạt 92%.

Tội phạm và vi phạm pháp luật về trật tự xã hội: Đưa ra làm rõ 10/11 vụ, đạt 90%, vượt chỉ tiêu 10%.

Tội phạm ma túy: Phát hiện 116 vụ, bắt 122 đối tượng về hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy.

Vi phạm pháp luật về môi trường: Phát hiện 16 vụ, 10 đối tượng, về hành vi vận chuyển lâm sản; vận chuyển động vật, nghi là động vật rừng, không lưu mẫu thực phẩm thức ăn. Bắt 02 đối tượng vi tội “Hủy hoại rừng”.

Tội phạm về kinh tế: Phát hiện 04 vụ, 04 cơ sở kinh doanh không niêm yết giá bán lẻ; xử phạt hành chính thu nộp NS 8 triệu đồng; Khởi tố 01 vụ, 02 bị can về tội tham ô tài sản.

Công tác truy nã: Bắt 3/5 đối tượng truy nã, đặc biệt bắt thành công đối tượng truy nã đặc biệt nguy hiểm về tội tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa sau 25 năm lần trốn.

Lập 31 hồ sơ đưa đối tượng vào cơ sở giáo dục bắt buộc, vượt chỉ tiêu 24%.

<sup>31</sup> Hướng dẫn kiểm tra làm sạch dữ liệu trong hệ thống CSDLQG về dân cư của 19/19 xã thị trấn; cập nhật chỉnh sửa 223 dữ liệu sai lệch giữa CCCD và dữ liệu dân cư, cập nhật 5.131 phiếu thu thập thông tin phương tiện giao thông; gửi 5.119 phiếu, tiếp nhận trả lời 4.866 phiếu HK03; Bổ sung dữ liệu cập nhật lịch sử thường trú của học sinh chuẩn bị thi THPT, THPT cho 3.421 trường hợp.

<sup>32</sup> Tổng số án đang thụ lý, điều tra 132 vụ, 138 bị can. Kết thúc điều tra, chuyển Viện kiểm sát nhân dân huyện đề nghị truy tố 90 vụ, 90 bị can; chuyển PC04, công an tỉnh giải quyết 01 vụ, 01 bị can; tạm đình chỉ điều tra 03 vụ, 01 bị can. Chuyển kỳ sau tiếp tục thụ lý, điều tra 42 vụ, 46 bị can.

<sup>33</sup> Kiểm tra, nhắc nhở 887 trường hợp chấp hành Luật GTĐB, lập biên bản 949 trường hợp vi phạm, xử phạt hành chính 843 trường hợp thu nộp ngân sách nhà nước 484,4 triệu đồng.

## **V. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA** (Kèm theo Phụ biểu số 03-CTMTQG)

### **1. Chương trình MTQG xây dựng NTM**

Tăng cường chỉ đạo cơ quan chuyên môn, UBND cấp xã phối hợp rà soát, xây dựng kế hoạch duy trì, củng cố, nâng cao các tiêu chí đã đạt và đăng ký các tiêu chí phấn đấu hoàn thành trong năm 2023 về xây dựng nông thôn mới (*xây dựng kế hoạch chi tiết phấn đấu xã Quài Tả đạt chuẩn trong năm 2023*). Đến nay, toàn huyện có 09 xã đạt từ 15 tiêu chí trở lên (trong đó 05 xã đã được UBND tỉnh công nhận xã cơ bản đạt chuẩn NTM); Có 9 xã đạt từ 10 đến 14 tiêu chí, bình quân số tiêu chí/xã đạt 14,5 tiêu chí; 05 bản công nhận bản đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023.

Tiếp tục triển khai thi công và thanh toán nghiệm thu 05 dự án đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn đầu tư phát triển Chương trình MTQG xây dựng NTM. Kết quả giải ngân 6 tháng đầu năm đạt 5.632/7.008 triệu đồng, đạt 80% KHV giao.

Xây dựng Kế hoạch triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với lợi thế vùng miền; trong đó tập trung xây dựng 2 sản phẩm OCOP là Cider táo mèo (rượu vang táo mèo) của HTX nông sản sạch Tây Bắc và Bí xanh Thom của Hợp tác xã trồng rừng, cây dược liệu xã Phình Sáng. Tổng vốn sự nghiệp NSTW giao là 410 triệu đồng, dự kiến triển khai thực hiện và giải ngân trong Quý III, Quý IV năm 2023.

### **2. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

Chủ động đôn đốc các cơ quan, đơn vị, đoàn thể huyện, UBND các xã, thị trấn được giao chủ trì nguồn vốn sự nghiệp chủ động căn cứ Kế hoạch của UBND huyện xây dựng kế hoạch, dự kiến các nội dung thực hiện, kết quả cụ thể.

- Nguồn vốn đầu tư phát triển NSTW năm 2023: Vốn giao 98.170 triệu đồng, thực hiện đầu tư xây dựng 22 công trình. Khối lượng ước đến 31/5/2023 giải ngân: 56.326 triệu đồng, đạt 57% KH vốn giao.

- Nguồn vốn sự nghiệp: Vốn thực hiện năm 2023 là 92.975 triệu đồng. Các đơn vị, đơn vị được giao dự toán đã xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện các Dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần; một số nội dung chờ hướng dẫn của cấp trên.

### **3. Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững**

Chủ động đôn đốc các cơ quan, đơn vị, đoàn thể huyện, UBND các xã, thị trấn được giao chủ trì nguồn vốn sự nghiệp chủ động căn cứ Kế hoạch của UBND huyện xây dựng kế hoạch, dự kiến các nội dung thực hiện, kết quả cụ thể:

- Nguồn vốn đầu tư phát triển NSTW năm 2023 (bao gồm cả vốn kéo dài từ năm 2022 chuyển sang) thuộc Tiểu dự án 1 - Dự án 1 - Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo: Vốn giao 73.581 triệu đồng, thực hiện đầu tư xây dựng 04 công trình. Giá trị giải ngân ước đạt: 11.232 triệu đồng, đạt 15,3% KH vốn giao.

- Nguồn vốn sự nghiệp NSTW: Vốn thực hiện năm 2023 là 57.276 triệu đồng. Các đơn vị, đơn vị được giao dự toán đã xây dựng kế hoạch chi tiết và triển khai thực hiện.

## **C. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **I. NHỮNG KẾT QUẢ NỔI BẬT**

- Thực hiện tốt công tác phòng, chống và kiểm soát tốt dịch bệnh trên địa bàn.
- Các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội cơ bản đạt mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, một số chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch, tăng so với cùng kỳ năm trước; công tác an sinh xã hội được đảm bảo.
- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả 02 khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội là Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng và xây dựng phát kết cấu hạ tầng đô thị.
- Kỷ cương, hiệu quả, hiệu lực của bộ máy quản lý nhà nước từng bước được nâng lên; quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy mang lại hiệu quả rõ rệt.
- Cả hệ thống chính trị, xã hội đã cùng vào cuộc, quyết tâm cao, phối hợp chặt chẽ để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.
- Tích cực chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai các Chương trình mục tiêu Quốc gia theo nhiệm vụ và chức năng.

### **II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

#### **1. Tồn tại, hạn chế**

- Kết quả thu ngân sách trên địa bàn còn thấp (đạt 44,4% KH).
- Kết quả triển khai kế hoạch đấu giá đất trên địa bàn còn chậm.
- Tiến độ triển khai Kế hoạch số 2783/KH-UBND ngày 20/9/2019 của UBND tỉnh còn chậm (đạt 80% KH đo đạc lâm nghiệp ngoài thực địa, chưa đạt chỉ tiêu giao của tỉnh).
- Công tác giải phóng mặt bằng (GPMB) và tiến độ thi công của một số công trình còn chậm như: Trung tâm GDNN và GDTX; Công viên cây xanh trung tâm huyện Tuần Giáo; Trường THCS thị trấn Tuần Giáo...
- Hiện tượng tự ý san lấp, cải tạo mặt bằng, vi phạm Luật Đất đai, đốt rừng làm nương, hủy hoại rừng vẫn còn diễn ra ở một số xã.
- Kết quả chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện (DDCI) năm 2022 đạt thấp.
- Tình hình trật tự an toàn xã hội vẫn tiềm ẩn nhân tố gây mất ổn định như: mua bán, vận chuyển ma túy qua địa bàn, vi phạm pháp luật về trật tự xã hội, hoạt động tôn giáo trái phép....

#### **2. Nguyên nhân**

- Do thời tiết nắng nóng, mưa ít nên giảm nguồn Thu cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước (đạt 500/2.700 triệu đồng, đạt 18,5% dự toán; giảm 57,7% so với cùng kỳ năm trước).

- Các cơ quan thường trực triển khai thực hiện các nhiệm vụ: Kế hoạch 2783/KH-UBND, Đầu tư xây dựng, các Chương trình MTQG, đấu giá đất còn chưa sâu sát, trách nhiệm chưa cao; sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị còn hạn chế; chính quyền các xã chưa quan tâm đúng mức trong chỉ đạo triển khai thực hiện tại địa bàn.

- Vai trò người đứng đầu trong thực hiện chức trách nhiệm vụ ở một số cơ quan, đơn vị chưa được phát huy; thiếu sự chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong công tác tham mưu các nội dung thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý. Năng lực, ý thức trách nhiệm của một số cán bộ, công chức còn hạn chế.

## **Phần thứ hai**

### **CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023**

Để phấn đấu hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2022, UBND huyện xác định cần triển khai thực hiện một số nhiệm vụ và giải pháp như sau:

**1.** Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tích cực, chủ động, quyết liệt thực hiện đồng bộ 7 nhiệm vụ trọng tâm và 9 nhóm giải pháp chủ yếu đề ra từ đầu năm<sup>34</sup>; Xác định rõ các tiềm năng, lợi thế cũng như những khó khăn, hạn chế để khắc phục và triển khai có hiệu quả. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm, nghiêm túc kiểm điểm khắc phục những tồn tại, hạn chế và xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023, phấn đấu hoàn thành và vượt mức chỉ tiêu kế hoạch được giao từ đầu năm<sup>35</sup>.

**2.** Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả, đúng lộ trình hai khâu đột phá phát về: “Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng (*trong đó tập trung phát triển cây Mắc ca*)” và “Đổi mới tư duy, tập trung thu hút, huy động các nguồn lực phát triển đô thị”.

**3.** Triển khai đồng bộ các giải pháp, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm:

- Triển khai các giải pháp đẩy mạnh công tác thu ngân sách trên địa bàn; tập trung các sắc thuế đạt thấp; khẩn trương hoàn thiện thủ tục, tổ chức đấu giá đất theo kế hoạch.

- Tích cực chỉ đạo cơ quan chuyên môn, chính quyền các xã tích cực phối hợp với Đơn vị tư vấn nhanh tiến độ đo đạc, giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp giai đoạn 2019-2023 theo Kế hoạch số 2783/KH-UBND ngày 20/9/2019 của UBND tỉnh Điện Biên.

<sup>34</sup> Ban hành kèm theo Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 về việc ban hành Chương trình giải pháp chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và dự toán ngân sách năm 2023.

<sup>35</sup> Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND huyện Tuần Giáo.



- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan, các chủ đầu tư đẩy nhanh công tác GPMB, tiến độ các công trình, dự án và giải ngân nguồn vốn đầu tư; tăng cường công tác quản lý, nâng cao trách nhiệm trong kiểm tra, giám sát chất lượng công trình.

- Tăng cường theo dõi tiến độ, hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan đơn vị, UBND các xã, thị trấn trong triển khai thực hiện; coi giải ngân vốn sự nghiệp các Chương trình MTQG là nhiệm vụ chính trị quan trọng; phân đấu giải ngân cao nhất nguồn vốn sự nghiệp các Chương trình MTQG năm 2023. Xem xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị theo kết quả triển khai các dự án thành phần thuộc các Chương trình MTQG.

- Tổ chức rà soát lại các nhiệm vụ được giao theo kế hoạch của UBND tỉnh về triển khai, thực hiện Đề án 06; nghiêm túc quán triệt triển khai nhiệm vụ cho từng cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn theo lĩnh vực phụ trách và địa bàn quản lý.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 266/KH-UBND ngày 28/11/2022 của UBND huyện Tuần Giáo về Chuyển đổi số huyện Tuần Giáo năm 2023. Chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan đơn vị thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn thực hiện tiếp nhận, giải quyết hồ sơ phục vụ người dân và doanh nghiệp thông qua dịch vụ công trực tuyến; tiếp nhận hồ sơ của người dân gửi về cấp tỉnh, cấp huyện qua hệ thống Bưu chính công ích. Đẩy mạnh thực hiện thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong cải cách hành chính; theo dõi nắm chắc tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính; chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế trong công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

#### 4. Các nhiệm vụ khác:

- Tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn tăng cường hướng dẫn nhân dân gieo trồng, chăm sóc và thu hoạch cây trồng bảo đảm lịch thời vụ. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các biện pháp kỹ thuật trong phòng, chống sâu bệnh trên cây trồng và dịch bệnh trên đàn vật nuôi. Chỉ đạo thực hiện khoanh nuôi tái sinh, trồng rừng phòng hộ, trồng rừng sản xuất, trồng cây lâm sản ngoài gỗ và trồng cây mắc ca theo kế hoạch; tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng. Tiếp tục chỉ đạo cơ quan chuyên môn, UBND các xã triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng NTM và Chương trình mỗi xã một sản phẩm năm 2023.

- Triển khai đồng bộ Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tất cả các bản trên địa bàn xã Quài Tở. Giữ vững các tiêu chí đã đạt được, ưu tiên hoàn thành đầu tư các hạng mục công trình còn thiếu, để tiêu chí đạt chuẩn theo quy định. Đến hết tháng 8/2023 tổ chức đánh giá, hoàn thiện hồ sơ xã đạt chuẩn, cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới trình UBND cấp huyện; cấp huyện tháng 9-10/2023, tổ chức thẩm tra, hoàn thiện hồ sơ các xã đạt chuẩn, cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023 hoàn thiện, gửi hồ sơ trình UBND tỉnh xem xét, công nhận.

- Chuẩn bị tốt các điều kiện khai giảng năm học 2023-2024. Tiếp tục rà soát, xây dựng kế hoạch sáp nhập các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập, giai đoạn

2022-2025. Duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí PCGD, XMC tại các xã, thị trấn. Rà soát, hoàn thiện các tiêu chí về kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường chuẩn quốc gia theo kế hoạch. Triển khai hoàn thành kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2023.

- Tiếp tục tuyên truyền và tổ chức các hoạt động chào mừng các sự kiện lớn của đất nước, của tỉnh và huyện. Tiếp tục thực hiện xây dựng bản Lồng - xã Tỏa Tinh thành “Bản văn hóa du lịch cộng đồng”. Tích cực tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện nếp sống văn hoá. Tăng cường tuyên truyền, triển khai Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”; hướng dẫn, theo dõi các hoạt động TDTT trên địa bàn huyện.

- Linh hoạt, chủ động các biện pháp phòng chống dịch bệnh. Tuyên truyền, vận động người dân, các tổ chức, cơ quan, đơn vị không chủ quan, lơ là và nghiêm chỉnh chấp hành các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt ngăn ngừa tái bùng phát dịch Covid-19. Nâng cao chất lượng khám và điều trị bệnh, bảo đảm thuốc, trang thiết bị y tế, tăng cường công tác giám sát y tế cơ sở. Tăng cường kiểm tra ATTP các cơ sở chế biến thực phẩm, kinh doanh ăn uống trên địa bàn. Tập trung xây dựng xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế xã theo kế hoạch. Thực hiện tốt Chương trình tiêm chủng mở rộng, chiến lược dân số-KHHGD, chăm sóc sức khỏe sinh sản, bà mẹ và trẻ em. Tiếp tục rà soát và cấp thẻ bảo hiểm y tế năm 2023 cho các đối tượng.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, giải quyết việc làm, giảm nghèo, các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng và đối tượng bảo trợ xã hội. Rà soát, ban hành Quyết định trợ cấp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội mới phát sinh trên địa bàn.

- Nâng cao vai trò của chính quyền địa phương trong triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách, dự án giảm nghèo. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn điều tra, rà soát xác định nguyên nhân dẫn đến tình trạng nghèo của từng hộ để có giải pháp hỗ trợ phù hợp. Ngoài ra, chú trọng công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, đưa lao động làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Các tổ chức đoàn thể huyện nâng cao vai trò trong xây dựng NTM gắn với thực hiện công tác giảm nghèo. Triển khai kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023, xây dựng kế hoạch giảm nghèo năm 2024.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách dân tộc, chủ động cập nhật và triển khai thực hiện các chính sách mới. Quản lý chặt chẽ hoạt động tôn giáo trên địa bàn.

- Triển khai công tác thanh tra, tư pháp theo kế hoạch. Chỉ đạo thực hiện tốt Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Tiếp công dân, không để đơn thư tồn đọng, kéo dài, hạn chế đơn thư vượt cấp. Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định. Quan tâm chỉ đạo thực hiện xây dựng chính quyền điện tử; đẩy mạnh cải cách hành chính, phát triển công dịch vụ công trực tuyến nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính.

- Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; tăng cường nắm tình hình liên quan đến an ninh chính trị. Tổ chức huấn luyện, diễn tập bồi dưỡng kiến thức QP & AN cho các đối tượng theo kế hoạch. Triển khai kế hoạch tuyển công dân nhập ngũ năm 2024. Tổ chức Diễn tập khu vực phòng thủ huyện Tuần Giáo năm 2023 đạt kết quả cao. Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn tích cực triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Tiếp tục thực hiện kế hoạch tấn công trấn áp các loại tội phạm, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ an toàn tuyệt đối các ngày lễ, tết diễn ra trong 6 tháng cuối năm 2023.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo quốc phòng-an ninh 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ và giải pháp 6 tháng cuối năm 2023 của UBND huyện Tuần Giáo./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Sở KH - ĐT tỉnh;
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- DB HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị;
- Các xã, thị trấn;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Xuân Cảnh**





**KẾ QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP CHỦ YẾU 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

Biên bản Báo cáo số: 413/BC-UBND ngày 12/6/2023 của UBND huyện Tuần Giáo

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	So sánh với KH năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=5/4 (%)	7
<b>A</b>	<b>Nông nghiệp</b>					
<b>I</b>	<b>Sản xuất cây lương thực</b>					
	<b>Tổng DT cây lương thực có hạt</b>	ha	11.550,00	8.823,50	76,39	
	Tổng SLLT có hạt	tấn	37.962,10	6.949,50	18,31	
	Trong đó:					
	- Sản lượng thóc	tấn	19.232,55	6.949,50	36,13	
	- Sản lượng thóc ruộng	tấn	15.852,55	6.949,50	43,84	
	- Cơ cấu thóc ruộng trong TSLLT	%	41,76	100,00	239,47	
<b>1</b>	<b>Lúa cả năm</b>					
	Tổng diện tích	ha	5.450,00	3.643,50	66,85	
	Tổng Sản lượng	tấn	19.232,55	6.949,50	36,13	
a	Lúa xuân:					
+	Diện tích	ha	1.100,00	1.130,00	102,73	
+	Năng suất	tạ/ ha	59,00	61,50	104,24	
+	Sản lượng	tấn	6.490,00	6.949,50	107,08	
b	Lúa mùa:					
+	Diện tích	ha	1.750,00		-	
+	Năng suất	tạ/ ha	53,50		-	
+	Sản lượng	tấn	9.362,55		-	
c	Lúa nương:					
+	Diện tích	ha	2.600,00	2.513,50	96,67	
+	Năng suất	tạ/ ha	13,00		-	
+	Sản lượng	tấn	3.380,00		-	
<b>2</b>	<b>Cây ngô:</b>					
	Tổng diện tích	ha	6.100,00	5.180,00	84,92	
	Tổng sản lượng	tấn	18.729,55		-	
a	Ngô vụ xuân					
+	Diện tích	ha	5.950,00	5.180,00	87,06	
+	Năng suất	tạ/ ha	31,10		-	
+	Sản lượng	tấn	18.504,55		-	
b	Ngô vụ thu					
+	Diện tích	ha	150,00		-	
+	Năng suất	tạ/ ha	15,00		-	
+	Sản lượng	tấn	225,00		-	
<b>II</b>	<b>Cây công nghiệp</b>					
<b>1</b>	<b>Cây công nghiệp ngắn ngày:</b>					
1.1	<b>Cây đậu tương:</b>					
	Tổng diện tích	ha	30,00		-	
	Tổng sản lượng	tấn	39,00		-	
a	Đậu tương vụ xuân:					
+	Diện tích	ha				
+	Năng suất	tạ/ ha				
+	Sản lượng	tấn				
b	Đậu tương vụ thu:					
+	Diện tích	ha	30,00		-	

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	So sánh với KH năm 2023	Ghi chú
		ta/ ha	13,00		-	
+	Năng suất	tấn	39,00		-	
+	Sản lượng					
1.2	Cây lạc:					
	Tổng diện tích:	ha	190,00	95,70	50,37	
	Tổng sản lượng:	tấn	171,00	86,13	50,37	
a	Lạc vụ xuân:					
+	Diện tích	ha	90,00	95,70	106,33	
+	Năng suất	ta/ ha	9,00	9,00	100,00	
+	Sản lượng	tấn	81,00	86,13	106,33	
b	Lạc vụ thu:					
+	Diện tích	ha	100,00		-	
+	Năng suất	ta/ ha	9,00		-	
+	Sản lượng	tấn	90,00		-	
2	<b>Cây công nghiệp dài ngày:</b>					
a	Cây cà phê:					
	+ Diện tích	ha	471,50	471,50	100,00	
	+ Sản lượng cà phê nhân	tấn	520,00		-	
b	Cây cao su					
	+ Diện tích	ha	1.291,85	1.291,90	100,00	
			<b>90.480</b>	<b>87.930</b>	<b>97,18</b>	
<b>III</b>	<b>Chăn nuôi</b>					
1	Đàn trâu:	Con	18.500	18.450	99,73	
2	Đàn bò:	Con	18.980	18.480	97,37	
3	Đàn lợn:	Con	53.000	51.000	96,23	
4	Đàn gia cầm	Con	930.500	935.600	100,55	
<b>IV</b>	<b>Thủy sản</b>					
1	Diện tích nuôi trồng	ha	295,00	295,00	100,00	
2	Tổng sản lượng	tấn	443,00	199,20	44,97	
a	Sản lượng nuôi trồng	tấn	430,00	195,00	45,35	
b	Sản lượng khai thác	tấn	13,00	4,20	32,31	
<b>V</b>	<b>Lâm nghiệp</b>					
1	Trồng rừng tập trung:	ha	200,00	70,00	35,00	
-	Trồng rừng phòng hộ:	ha	50,00	50,00	100,00	
-	Trồng cây lâm sản ngoài gỗ	ha		20,00		
-	Trồng rừng thay thế	ha				Người dân không thực hiện
-	Trồng rừng sản xuất	ha	50,00			
-	Diện tích cây mắc ca	ha	1.666,09	1.556,09	93,40	
-	Tro ng đỏ: Trồng mới		100,00		-	
2	Khoản bảo vệ rừng	ha	44.186,42	44.186,42	100,00	
3	Khoản nuôi tái sinh rừng	ha	6.425,99	6.425,99	100,00	
3.1	KNTS năm thứ nhất (mới)-các xã	ha	250,00	250,00	100,00	
3.2	KNTS chuyển tiếp (năm 2,3,4,5)	ha	6.175,99	6.175,99	100,00	
-	UBND các xã	ha	5.740,56	5.740,56	100,00	
-	Ban QLRPH huyện	ha	435,43	435,43	100,00	
4	Độ che phủ rừng	%	40,00		-	

**BIỂU SỐ 02**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN LAO ĐỘNG VIỆC LÀM, BẢO VỆ TRẺ EM, CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI VÀ ĐÀO TẠO NGHỀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**  
(Kèm theo Báo cáo số: 413/BC-UBND ngày 12/6/2023 của UBND huyện Tuần Giáo)

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	So sánh với KH năm 2023	Ghi chú
			4	5	6=5/4 (%)	7
1	<b>DẪN SỐ TRUNG BÌNH</b>	Người	93.810	92.958	99,09	
	Trong đó: Nữ		46.390	46.418	100,06	
	- Dân số thành thị	Người	8.610	8.243	95,74	
	- Dân số nông thôn	Người	85.200	84.715	99,43	
<b>I</b>	<b>Lao động việc làm</b>					
1	Tổng số người trong độ tuổi LĐ	L.Động	56.380	55.820	99,01	
	Tỷ lệ so với dân số	%	60,1	60,0	99,83	
2	Số LĐ được tạo việc làm mới trong năm	L.Động	1.000	624	62,40	
3	Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên	L.Động	45.216	55.389	122,50	
	Tỷ lệ so với dân số	%	48,2	59,6	123,62	
4	Đào tạo nghề					
	- Sơ cấp và đào tạo thường xuyên dưới 3 tháng	Người	1.150	702	61,04	
	Tr.đó: Dạy nghề cho LĐ nông thôn	Người	1.000	702	70,20	
<b>II</b>	<b>Chăm sóc và bảo vệ trẻ em</b>					
1	Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Người	615	579	94,15	
2	Tổng số TE có HCDBKK được hưởng trợ cấp tại cộng đồng	Người	2.000	497	24,85	
3	Số xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	Xã, TT	15	6	40,00	
4	Số trẻ em không nơi nương tựa được nhận nuôi dưỡng tại cộng đồng	Trẻ	82	11	13,41	
<b>III</b>	<b>Các vấn đề xã hội</b>					
<b>III.1</b>	<b>Trật tự an toàn xã hội</b>					
1	Số người được cai nghiện	Đối tượng	35	0	0,0	
<b>III.2</b>	<b>Giảm nghèo</b>					
	<b>Mục tiêu theo chuẩn nghèo GD 2021-2025</b>					
1	Tổng số hộ cuối năm	Hộ	19.476	19.406	100,36	
2	Số hộ nghèo đầu kỳ theo chuẩn Quốc gia	Hộ	8.020	7.966	100,68	
3	Số hộ nghèo cuối kỳ theo chuẩn Quốc gia	Hộ	6.830	7.399	92,31	
	- Tỷ lệ hộ nghèo	%	35,07	38,13	91,97	
4	Số hộ thoát nghèo	Hộ	1.210	577	47,69	
5	Số hộ tái nghèo, phát sinh nghèo	Hộ	20	10	50,00	
6	Số hộ cận nghèo	Hộ	2.337	2.250	103,87	
	- Tỷ lệ hộ cận nghèo	%	12,00	11,59	103,53	
7	Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số	%	41,05	43,53	94,30	
<b>IV</b>	<b>Bảo hiểm xã hội</b>					
1	Đối tượng thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc	Người	5.534	3.662	66,17	
	Số người tham gia BHXH bắt buộc	Người	5.257	3.662	69,66	
	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH bắt buộc	%	11,63	6,56	56,42	
2	Đối tượng thuộc diện tham gia BHXH thất nghiệp	Người	4.294	2.972	69,21	
	- Số người tham gia BHXH thất nghiệp	Người	4.171	2.972	71,25	
	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH thất nghiệp	%	9,22	5,32	57,67	
3	Đối tượng thuộc diện tham gia BHXH tự nguyện	Người	52.002	2.195	4,22	

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	So sánh với KH năm 2023	Ghi chú
	- Số người tham gia BHXH tự nguyện	Người	2.897	2.195	75,77	
	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH tự nguyện	%	6,41	3,93	61,34	



**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC  
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

(Kèm theo Báo cáo số: 413/BC-UBND ngày 12/6/2023 của UBND huyện Tuấn Giáo)

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm học 2022-2023	Kết quả năm học 2022-2023	So sánh KH năm học 2022-2023 (%)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=5/4 (%)	7
	<b>SỐ HỌC SINH CÓ MẬT ĐẦU NĂM HỌC</b>	Người	28.025	27.778	99,1	
<b>I</b>	<b>GIÁO DỤC MẦM NON</b>					
<b>1</b>	<b>Tổng số trẻ mầm non</b>	Cháu	8.001	8.068	100,8	
	- Số cháu vào nhà trẻ	Cháu	2.533	2.526	99,7	
	- Số học sinh mẫu giáo	Trẻ	5.468	5.542	101,4	
	- Số trẻ 5 tuổi	Trẻ	1.935	1.945	100,5	
<b>2</b>	<b>Tổng số lớp và nhóm trẻ</b>	lớp	307	306	99,7	
	- Số nhóm trẻ	Nhóm	96	98	102,1	
	- Số lớp mẫu giáo	Lớp	211	208	98,6	
	- Số lớp 5 tuổi	lớp	123	122	99,2	
<b>3</b>	<b>Các tỷ lệ huy động</b>					
	- Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp/dân số độ tuổi	%	77,4	79,3	102,5	
	- Tỷ lệ trẻ mầm non là nữ	%	47,9	48,6	101,4	
	- Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%	6,2	5,2	83,7	
	- Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	%	7,5	6,5	87,1	
	- Tỷ lệ huy động trẻ từ 3 tháng đến dưới 36 tháng tuổi ra lớp	%	52,5	53,9	102,6	
	- Tỷ lệ huy động trẻ từ 3-5 tuổi ra lớp	%	99,8	99,9	100,1	
	- Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp	%	99,8	99,94	100,1	
<b>II</b>	<b>GIÁO DỤC PHỔ THÔNG</b>					
<b>1</b>	<b>Tổng số học sinh phổ thông</b>	HS	20.024	19.710	98,4	
	Trong đó: Học sinh bán trú	HS	6.077	5.587	91,9	
<b>2</b>	<b>Tổng số lớp</b>	lớp	681	670	98,4	
<b>3</b>	<b>Các tỷ lệ huy động</b>					
	Tỷ lệ học sinh nữ/tổng số HS	%	47,50	48,10	101,3	
	Tỷ lệ HS đúng độ tuổi	%	97,20	97,30	100,1	
	Tỷ lệ HS bỏ học	%	0,579	0,656	113,3	
	Tỷ lệ HS lưu ban	%	0,324	0,223	68,8	
<b>3.1</b>	<b>Tiểu học</b>	HS	10.345	10.336	99,9	
*	<b>Tổng số học sinh</b>	HS	2.227	2.363	106,1	
	- Học sinh bán trú	lớp	415	408	98,3	
*	<b>Tổng số lớp</b>	%	99,8	99,8	100	
	- Tỷ lệ học sinh 6 tuổi vào lớp 1	%	99,7	99,7	100	
	- Tỷ lệ học sinh 6-10 tuổi học tiểu học	%	101,3	101,3	100	
	- Tỷ lệ học sinh đi học cấp tiểu học	%	49,0	49,0	100	
	- Tỷ lệ học sinh nữ/tổng số học sinh	%				
	- Tỷ lệ học sinh bỏ học	%		0,1	100	
	- Tỷ lệ học sinh lưu ban	%				
	- Tỷ lệ học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học	%	100,0	100,0	100	
	- Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp tiểu học	%	99,0	99	100	
<b>3.2</b>	<b>Trung học cơ sở</b>	HS	7.204	7.108	98,7	
*	<b>Tổng số học sinh</b>	HS	2.600	2.302	88,5	
	- Học sinh bán trú	lớp	205	202	98,5	
*	<b>Tổng số lớp</b>	%	98,6	98,8	100,2	
	- Tỷ lệ học sinh 11 tuổi vào lớp 6					

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm học 2022-2023	Kết quả năm học 2022-2023	So sánh KH năm học 2022-2023 (%)	Ghi chú
	- Tỷ lệ học sinh 11-14 tuổi học THCS	%	97,5	98,7	101,2	
	- Tỷ lệ học sinh nữ/tổng số học sinh	%	47,2	47,5	100,7	
	- Tỷ lệ học sinh bỏ học	%	0,5	0,1	20,0	
	- Tỷ lệ học sinh lưu ban	%	0,2	0,2	100	
	- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS	%	99,8	100	100,2	
	- Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp THCS	%	90,0	90,0	100	
<b>3.3</b>	<b>Trung học phổ thông</b>	%				
*	<b>Tổng số học sinh</b>	<b>HS</b>	<b>2.475</b>	<b>2.266</b>	<b>91,6</b>	
	Tr. đó: + Học sinh các trường DTNT		385	383	99,5	
	+ Học sinh bản trú	HS	1.250	922	73,8	
*	<b>Tổng số lớp</b>	<b>lớp</b>	<b>61</b>	<b>60</b>	<b>98,4</b>	
	- Tỷ lệ học sinh 15 tuổi vào lớp 10	%	79,6	77,5	97,3	
	- Tỷ lệ h/sinh 15-18 tuổi học THPT và trong đương	%	72,7	72,7	100	
	- Tỷ lệ học sinh nữ/tổng số học sinh	%	43,0	45,8	106,5	
	- Tỷ lệ học sinh bỏ học	%	3,2	5,1	159,4	
	- Tỷ lệ học sinh lưu ban	%	1,6	1,0	60,6	
	- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT	%	97			Chưa thi tốt nghiệp THPT
<b>III</b>	<b>BỘ TÚC VĂN HÓA</b>					
	Học sinh PCGDTH-XMC	H/Sinh	131	243	185,5	
	- Học sinh bổ túc THPT	H/Sinh	100	124	124,0	
<b>IV</b>	<b>PHÓ CẤP GIÁO DỤC - XÓA MÙ CHỮ</b>					
	<b>Tổng số xã</b>	<b>Xã</b>	<b>19</b>	<b>19</b>		
1	Số xã đạt chuẩn PC GDMN cho trẻ 5 tuổi	Xã	19	19	100	
2	Số xã đạt chuẩn PC GDTH mức độ 1	Xã	19	19	100	
3	Số xã đạt chuẩn PC GDTH mức độ 2	Xã	19	19	100	
4	Số xã đạt chuẩn PC GDTH mức độ 3	Xã	19	19	100	
5	Số xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 1	Xã	19	19	100	
6	Số xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2	Xã	19	19	100	
7	Số xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3	Xã	18	18	100	
8	Số xã đạt chuẩn Xóa mù chữ mức độ 1	Xã	19	19	100	
9	Số xã đạt chuẩn Xóa mù chữ mức độ 2	Xã	19	19	100	
<b>V</b>	<b>CƠ SỞ GIÁO DỤC</b>					
1	<b>Trường Mầm non</b>	"	<b>23</b>	<b>24</b>	<b>104,3</b>	
	Tr. đó: - Trường đạt chuẩn Quốc gia	"	20	21	105,0	
	- Trường MN tư thục	"				
2	<b>Các trường phổ thông</b>	"	<b>42</b>	<b>42</b>	<b>100,0</b>	
	Tr.đó: - Trường PT DTNT huyện	"	1	1	100	
	- Tổng số trường đạt chuẩn QG	"	37	36	97,3	
	- Trường PTDTBT	"	10			
2.1	<b>Trường Tiểu học</b>	<b>Trường</b>	<b>21</b>	<b>21</b>	<b>100</b>	
	Tr. đó: - Trường đạt chuẩn Quốc gia	"	20	19	95,0	
	- Trường PTDTBT	"	4	4	100	
2.2	<b>Trường THCS</b>	"	<b>17</b>	<b>17</b>	<b>100</b>	
	Tr. đó: - Trường đạt chuẩn Quốc gia	"	15	15	100	
	- Trường PTDTBT	"	6	6	100	
	- Trường THCS	"	0			
2.3	<b>Trường THPT</b>	"	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>100</b>	
	Tr. đó: - Trường đạt chuẩn Quốc gia	"	2	2	100	
3	<b>Trung tâm GDNN-GDTX</b>	"	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>100</b>	
<b>VI</b>	<b>Bổ sung một số chỉ số liên quan đến Phát triển trẻ thơ toàn diện</b>					

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm học 2022-2023	Kết quả năm học 2022-2023	So sánh KH năm học 2022-2023 (%)	Ghi chú
1	Số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên mầm non được tập huấn về tư vấn dinh dưỡng và tâm lý cho trẻ	Người	598,0	632	105,7	
2	Số nhân viên nấu ăn có chứng chỉ nghề nấu ăn	Người	30	62	206,7	
3	Số điểm trường mầm non có nhà vệ sinh hợp vệ sinh	Điểm trường	97	96	99,0	
4	Số điểm trường mầm non có nguồn nước sử dụng hợp vệ sinh	Điểm trường	97,0	96,0	99,0	
5	Số nhóm/lớp mầm non có đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu theo quy định	Điểm trường	285,0	285,0	100	
6	Số điểm trường mầm non có 05 loại đồ chơi ngoài trời trở lên trong danh mục quy định	Điểm trường	87,0	93,0	106,9	
<b>VII</b>	<b>Các chỉ tiêu phát triển thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số</b>					
1	Tỷ lệ trẻ em DTTS nhập học đúng độ tuổi bậc tiểu học (%)	%	99,8	99,8	100	
2	Tỷ lệ người DTTS hoàn thành chương trình tiểu học (%)	%	99,8	100	100,2	
3	Tỷ lệ người DTTS biết chữ trong độ tuổi từ 15 tuổi đến 60 tuổi (%)	%	94,8	95,0	100,2	
4	Tỷ lệ nữ người DTTS biết chữ trong độ tuổi từ 15 đến 60 tuổi (%)	%	92,2	92,3	100,1	
5	Tỷ lệ học sinh nữ DTTS ở cấp tiểu học, THCS, THPT (%)	%	48,3	48,5	100,4	

BIỂU SỐ 04

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU HƯỚNG DẪN PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP Y TẾ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 413/BC-UBND ngày 12/6/2023 của UBND huyện Tuấn Giáo)

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	So sánh với KH năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=5/4 (%)	7
<b>I</b>	<b>Chi tiêu hoạt động</b>					
1	Tỷ lệ TE < 1 tuổi TCDD các loại Vắc xin	%	95,1	40,0	42,1	Từ tháng 3/2023 thiếu vaccin 5 trong 1.
2	Tỷ lệ PN đẻ được khám thai 4 lần/3 kỳ thai nghén (T37/2019 /TT-BYT ngày 30/12/2019)	%	75,0	87,5	116,7	
	Tỷ lệ phụ nữ DTTS được khám thai ít nhất 4 lần trong 3 kỳ thai nghén	%	74,0	85,2	115,1	
3	Tỷ lệ phụ nữ có thai được tiêm phòng UV2+	%	95,1	48,4	50,9	
4	Tỷ suất tử vong TE dưới 1 tuổi	‰	17,0	15,0	88,2	
	Tỷ suất tử vong trẻ em DTTS dưới 1 tuổi trên 1000 trẻ DTTS đẻ sống	‰	18,0	16,0	88,9	
5	Tỷ suất tử vong TE dưới 5 tuổi	‰	25,0	19,0	76,0	
	Tỷ suất tử vong trẻ em DTTS dưới 5 tuổi trên 1000 trẻ DTTS đẻ sống	‰	25,5	20,0	78,4	
6	Tỷ lệ trẻ sơ sinh dưới 2500 gr	%	4,0	3,7	92,5	
7	Tỷ lệ trẻ nhỏ được bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu	%	44,1	44,7	101,4	
8	Tỷ lệ TE dưới 5 tuổi SDD (cân nặng/tuổi)	%	14,7	14,7	100,0	
	Tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi ở trẻ em DTTS dưới 5 tuổi	%	15,5	15,5	100,0	
9	Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	%	28,6	28,6	100,0	
	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em DTTS dưới 5 tuổi	%	30,9	30,9	100,0	
10	Tỷ lệ các ca sinh của phụ nữ DTTS được can thiệp y tế đã qua đảo tạo đờ	%	79,9	72,1	90,2	
<b>II</b>	<b>Cơ sở cung cấp dịch vụ y tế</b>		<b>21,0</b>	<b>21,0</b>	<b>100,0</b>	
*	<b>Tuyến tỉnh</b>					
1	Khu điều trị bệnh nhân phong	Cơ sở	1	1	100,0	
			<b>20</b>	<b>20</b>	<b>100,0</b>	
*	<b>Tuyến huyện, xã</b>					
1	TTYT các huyện (thực hiện đa chức năng)	BV	1	1	100,0	
2	Phòng khám đa khoa khu vực	PK				
3	Trạm y tế xã, thị trấn	Trạm	19	19	100,0	
4	Tỷ lệ xã có trạm y tế (có tổ chức bộ máy trạm y tế)	%	100,0	100,0	100,0	
<b>III</b>	<b>Tổng số giường bệnh toàn huyện</b>	<b>Giường</b>	<b>312</b>	<b>312</b>	<b>100,0</b>	
	Trong đó: Giường Quốc lập	Giường	255	255	100,0	
	Tỷ lệ giường bệnh Quốc lập/vạn dân	1/10.000	27,2		-	
1	<b>Giường bệnh tuyến tỉnh</b>	<b>Giường</b>	<b>20</b>	<b>20</b>	<b>100,0</b>	
-	Khu điều trị bệnh nhân phong	Giường	20	20	100,0	
2	<b>Giường bệnh TTYT huyện:</b>	<b>Giường</b>	<b>235</b>	<b>235</b>	<b>100,0</b>	
-	Giường bệnh Bệnh viện huyện	Giường	235	235	100,0	
-	Giường bệnh PKĐKKV	Giường				
-	Giường bệnh trạm y tế xã (3 giường lưu trạm)	Giường	57	57	100,0	
<b>IV</b>	<b>Nhân lực y tế</b>					
1	Số bác sỹ	Bác sỹ	76	76	100,0	
	Tỷ lệ Bác sỹ/vạn dân	1/10.000	8,1	7,7	95,1	
2	Số Dược sỹ Đại học	Người	18	18	100,0	
	Tỷ lệ Dược sỹ đại học/vạn dân	1/10.000	1,9	1,97	102,7	
3	Số xã có Bác sỹ	xã	19	19	100,0	

Số TT	CHI TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	So sánh với KH năm 2023	Ghi chú
	<i>Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ hoạt động</i>	%	100,0	100,0	100,0	
4	Số xã có NHS hoặc YSSN	xã	19	19	100,0	
	<i>Tỷ lệ xã có NHS hoặc YSSN</i>	%	100,0	100,0	100,0	
5	Số bàn có Nhân viên y tế thôn bản	Người	110	111	100,9	
	<i>Tỷ lệ bc n có Nhân viên y tế thôn bản (theo QĐ 17/2020 /UBND ngày 09/9/2020 của UBND tỉnh)</i>	%	99,1	99,1	100,0	
<b>V</b>	<b>Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã</b>					
-	Xã đạt Tiêu chí quốc gia về y tế xã 2011-2020	Xã	18	17	94,4	
-	Tỷ lệ xã đạt Tiêu chí quốc gia về y tế xã	%	94,7	89,8	94,8	
<b>VI</b>	<b>Dân số</b>					
1	Dân số trung bình	Người	93.810	92.495	98,6	
2	Dân số phân theo giới tính					
-	Dân số nam	Người	47.420	46.248	97,5	
	<i>Tỷ lệ so với tổng dân số</i>	%	50,5	50,0	98,9	
-	Dân số nữ	Người	46.390	46.247	99,7	
	<i>Tỷ lệ so với tổng dân số</i>	%	49,5	50,0	101,1	
3	Dân số phân theo thành thị, nông thôn					
-	Dân số thành thị	Người	8.610	8.412	97,7	
	<i>Tỷ lệ so với tổng dân số</i>	%	9,2	9,1	99,1	
-	Dân số nông thôn	Người	85.200	84.083	98,7	
	<i>Tỷ lệ so với tổng dân số</i>	%	90,8	90,9	100,1	
<b>VII</b>	<b>Số người tham gia Bảo hiểm y tế</b>	<b>Người</b>	<b>93.718</b>	<b>88.932</b>	-	
-	<i>Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế</i>	%	99,9	96,1	-	

**BIỂU SỐ 05**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU HƯỚNG DẪN PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP VĂN HOÁ, THỂ THAO  
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

(Kèm theo Báo cáo số: 413/BC-UBND ngày 12/6/2023 của UBND huyện Tuần Giáo)

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	So sánh với KH năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=5/4 (%)	7
<b>A</b>	<b>Lĩnh vực Văn hóa - Gia đình</b>					
<b>I</b>	<b>Phong trào toàn dân đoàn kết XD đời sống văn hóa</b>					
1	Số gia đình đạt tiêu chuẩn VH	Hộ GD	14.250			
	Tỷ lệ GD đạt chuẩn VH chiếm trong tổng số gia đình toàn huyện	%	73,0			
2	Số khối, bản đạt tiêu chuẩn VH	Khối, bản	145			
	Tỷ lệ khối, bản đạt VH chiếm trong tổng số khối, bản toàn huyện	%	81,9			
3	Số cơ quan, đơn vị, DN đạt tiêu chuẩn văn hóa	Cơ quan, đơn vị, DN	129			
	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị DN, trường học đạt VH chiếm trong tổng số cơ quan, đơn vị, trường học toàn huyện	%	97,7			
4	Số xã đạt chuẩn VH nông thôn mới	Xã	14	14	100,0	
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới	%	77,8	77,8	100,0	
5	Số thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị	TT	1	1	100,0	
	Tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị	%	100	100	100,0	
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực gia đình</b>					
1	Số BCD mô hình PCBLGD được thành lập tại các xã, thị trấn (nhân rộng mô hình PCBLGD)	BCD	19,0	19	100,0	
	Tỷ lệ xã, thị trấn có ban chỉ đạo mô hình phòng chống bạo lực gia đình	%	100,0	100,0	100,0	
2	Số CLB gia đình phát triển bền vững tại các khối, bản.	CLB	163	163	100,0	
	Tỷ lệ khối, bản có câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững	%	92,1	92,1	100,0	
3	Tỷ lệ gia đình được tuyên truyền phổ biến các luật có liên quan đến lĩnh vực gia đình	%	100,0	100,0	100,0	
<b>III</b>	<b>Phát triển thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở</b>					
1	Nhà văn hóa huyện	Nhà	1	1	100,0	
2	Nhà thư viện	Nhà	1	1	100,0	
	Tổng số xã, thị trấn	Xã, TT	19	19		
3	Số xã, thị trấn có Nhà văn hóa, thể thao	Xã, TT	13	13	100,0	
	Tỷ lệ xã, thị trấn có nhà VH-TT	%	68,4	68,4	100,0	
4	Số khối, bản có nhà văn hóa và điểm sinh hoạt cộng đồng	Khối, bản	68	69	101,4	
	Tỷ lệ khối, bản có nhà văn hóa và điểm sinh hoạt cộng đồng	%	38,4	38,9	101,4	
<b>B</b>	<b>Lĩnh vực Thể dục, thể thao</b>					
*	<b>Thể thao quần chúng</b>					
1	Số người tham gia luyện tập thường xuyên ít nhất 01 môn thể thao	Người	29.984,0	30.484	50,0	
	Tỷ lệ người tham gia luyện tập thường xuyên ít nhất 01 môn thể thao trong tổng dân số toàn huyện	%	31,0	31,5	50,0	
2	Số gia đình được công nhận gia đình thể thao	Gia đình	4.090	4.230	60,0	
	Tỷ lệ gia đình được công nhận danh hiệu gia đình thể thao trong tổng số hộ gia đình toàn huyện	%	21,0	21,6	60,0	
3	Số câu lạc bộ thể thao cơ sở	CLB	63	63	100,0	

**PHỤ BIỂU SỐ 02**

**MẪU THỰC HIỆN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023, HUYỆN TUẦN GIÁC**

(Kèm theo Báo cáo số 413/BC-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2023 của UBND Huyện Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2023 (Bao gồm cả vốn kéo dài)	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		% giải ngân so với KHV	Ghi chú
			KLTH từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Lấy kế KLTH	Giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Lấy kế GTCN		
		328.581,7	82.986,6	259.072,6	120.895,7	327.890,9	36,8%	
	<b>TỔNG CỘNG (1+2+3+4+5+6)</b>	178.758,9	48.310,4	68.494,3	73.640,0	123.740,3	41,2%	Chỉ tiết như Biểu số 01
1	Vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia	98.170,0	27.048,3	27.048,3	56.775,9	56.775,9	57,8%	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	73.580,6	15.583,0	19.810,4	11.232,0	45.340,4	15,3%	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	7.008,3	5.679,1	21.635,6	5.632,1	21.624,0	80,4%	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	11.035,0	440,0	440,0	440,0	440,0	4,0%	Chỉ tiết như Biểu số 02
2	Vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	40.000,0	11.387,0	18.603,0	11.028,0	25.580,0	27,6%	Chỉ tiết như Biểu số 03
3	Vốn ngân sách trung ương	26.480,0	12.511,6	45.477,0	18.661,6	57.574,0	70,5%	Chỉ tiết như Biểu số 04
4	Vốn ngân sách địa phương	23.980,0	12.511,6	35.967,0	17.161,6	48.474,0	71,6%	
-	Vốn ngân sách địa phương (Do huyện quản lý)	2.500,0		9.510,0	1.500,0	9.100,0	60,0%	
-	Vốn ngân sách địa phương (Do tỉnh quản lý)	56.757,5	6.307,5	115.249,3	13.845,8	110.211,7	24,4%	Chỉ tiết như Biểu số 05
5	Ngân sách huyện	20.924,0	950,0	24.438,8	8.495,0	24.438,8	40,6%	
-	Sự nghiệp giáo dục	20.088,4	3.741,8	51.650,0	3.427,4	49.658,3	17,1%	
-	Sự nghiệp giao thông	5.724,0	258,9	9.966,2	559,1	9.324,6	9,8%	
-	Sự nghiệp thủy lợi	7.484,2	1.356,9	28.944,2	1.364,3	26.789,9	18,2%	
-	Sự nghiệp kinh tế khác	2.537,0		250,0				
-	Hỗ trợ đất lúa	15.550,3	4.030,0	10.809,0	3.280,3	10.345,0	21,1%	Chỉ tiết như Biểu số 06
6	Vốn đầu tư đất							

**BIỂU SỐ 01**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023, HUYỆN TUẦN GIÁC**

*(Kèm theo Báo cáo số 413/BC-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2023 của UBND huyện Tuần Giáo)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định h đầu tư ban đầu			Kế hoạch vốn NSTW năm 2023 (Bao gồm cả vốn kéo dài)	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			KLTH từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Lũy kế KLTH	Giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Lũy kế GTGN	
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW						
	<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		429.992,0	406.420,0	178.758,9	48.310,4	68.494,3	73.640,0	123.740,3	
<b>A</b>	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		241.942,0	231.230,0	98.170,0	27.048,3	27.048,3	56.775,9		
<b>I</b>	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		7.247,0	6.885,0	3.500,0	449,7	449,7	2.050,0		
<b>I.1</b>	Nước sinh hoạt tập trung		7.247,0	6.885,0	3.500,0	449,7	449,7	2.050,0		
a)	Dự án khởi công mới năm 2023		7.247,0	6.885,0	3.500,0	449,7	449,7	2.050,0		
1	NSH trung tâm xã Pú Xi mới	Số 191/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	2.900,0	2.755,0	1.000,0	150,0	150,0	100,0	100,0	KCM
2	NHS ban Ten Hon + Thảm Nệm xã Tênh Phòng	Số 153/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	4.347,0	4.130,0	2.500,0	299,7	299,7	1.950,0	1.950,0	KCM
<b>II</b>	DỰ ÁN 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết		8.822,0	8.381,0	4.000,0	-		-		
a)	Dự án khởi công mới năm 2023		8.822,0	8.381,0	4.000,0	-		-		
1	Dự án bố trí dân cư vùng có nguy cơ thiên tai đến định cư tại khu Á Lênh, xã Phình Sáng, huyện Tuần Giáo	Số 174/QĐ-UBND ngày 26/10/2022	8.822,0	8.381,0	4.000,0					KCM
<b>III</b>	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		142.245,0	136.518,0	57.670,0	16.703,7	16.703,7	29.395,0	29.395,0	
<b>III.1</b>	Đầu tư CSHT		142.245,0	136.518,0	57.670,0	16.703,7	16.703,7	29.395,0	29.395,0	
a)	Các dự án khởi công mới năm 2023		142.245,0	136.518,0	57.670,0	16.703,7	16.703,7	29.395,0	29.395,0	
1	Đường từ bản Nôm đi bản Hua Nạ	Số 180/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	13.545,0	12.868,0	5.000,0	3.040,0	3.040,0	5.000,0	5.000,0	KCM



STT	Dan h mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch vốn NSTW năm 2023 (Bao gồm cả vốn kéo dài)	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
		Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			KLTH từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Lũy kế KLTH	Giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Lũy kế GTGN	
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW						
2	Đường từ bản Chấn đi bản Hua Chấn xã Chiềng Đông	Số 181/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	14.900,0	14.155,0	6.000,0	834,4	834,4	3.700,0	3.700,0	KCM
3	Thủy lợi bản Kệt xã Quát Cang	Số 194/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	2.600,0	3.325,0	1.500,0	173,4	173,4	773,3	773,3	KCM
4	Cầu vào bản Kéo La xã Nà Sáy	Số 190/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	6.000,0	5.700,0	2.500,0	-	-	-	-	KCM
5	Đường Huồi khạ - Pú Piến xã Mường Mùn (Giai đoạn 2)	Số 179/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	6.000,0	5.700,0	2.500,0	2.959,0	2.959,0	2.500,0	2.500,0	KCM
6	Đường QL6 -Khu sản xuất bán Hàng tau xã Tỏa Tình	Số 195/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	5.700,0	5.700,0	2.500,0	-	-	-	-	KCM
7	Đường từ bản Phiêng Hoa -Á Lệnh, xã Phình Sàng	Số 2201a/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	40.000,0	38.000,0	14.670,0	450,0	450,0	450,0	450,0	KCM
8	Đường + Ngầm bán Co Dứa xã Mường Khong	Số 196/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	6.000,0	5.700,0	2.500,0	2.079,4	2.079,4	2.500,0	2.500,0	KCM
9	Đường + ngầm bán Khong Nưa xã Mường Khong	Số 178/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	4.000,0	3.800,0	2.000,0	2.023,9	2.023,9	2.000,0	2.000,0	KCM
10	Đường vào bản Há Dứa xã Tênh Phòng (GD2)	Số 177/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	5.500,0	5.225,0	2.500,0	1.133,7	1.133,7	1.250,7	1.250,7	KCM
11	Đường từ ngã ba đi Nà Dắng - bản Trạm Cù xã Ta Ma	Số 182/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	13.000,0	12.350,0	5.000,0	2.702,6	2.702,6	4.713,6	4.713,6	KCM
12	Đường từ TT xã Pú Xi - bản Pú Xi 2	Số 183/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	10.100,0	9.421,0	5.000,0	478,3	478,3	2.678,3	2.678,3	KCM
13	Đường từ bản Hua Mực III đi bản Thảm Táng xã Pú Xi (Giai đoạn 1)	Số 184/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	14.900,0	14.574,0	6.000,0	829,0	829,0	3.829,0	3.829,0	KCM

STT	Danhs mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch vốn NSTW năm 2023 (Bao gồm cả vốn kéo dài)	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
		Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			KLTH từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Lũy kế KLTH 01/01/2023 đến 30/6/2023	Giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Lũy kế GTGN	
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW						
<b>IV</b>	<b>DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</b>		83.628,0	79.446,0	33.000,0	9.894,9	9.894,9	25.330,9	25.330,9	
1	Trường PTDTBT TH Bình Minh	Số 188/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	14.028,0	13.326,0	5.000,0	1.806,3	1.806,3	3.606,3	3.606,3	KCM
2	Trường PTDTBT TH Mường Mùn	Số 198/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	10.000,0	9.500,0	4.000,0	472,0	472,0	2.500,0	2.500,0	KCM
3	Trường PTDTBT THCS Ta Ma	Số 187/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	14.900,0	14.155,0	6.000,0	1.161,3	1.161,3	4.361,3	4.361,3	KCM
4	Trường PTDTBT THCS Phình Sáng	Số 186/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	14.900,0	14.155,0	6.000,0	3.491,0	3.491,0	6.000,0	6.000,0	KCM
5	Trường PTDTBT TH Nà Tông	Số 189/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	14.900,0	14.155,0	6.000,0	614,0	614,0	3.000,0	3.000,0	KCM
6	Trường PTDTBT TH Nậm Dìn	Số 185/QĐ-UBND ngày 03/11/2022	14.900,0	14.155,0	6.000,0	2.350,3	2.350,3	5.863,3	5.863,3	KCM
<b>B</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững</b>		<b>151.000,0</b>	<b>151.000,0</b>	<b>73.580,6</b>	<b>15.583,0</b>	<b>19.810,4</b>	<b>11.232,0</b>	<b>45.340,4</b>	
<b>I</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</b>		<b>121.000,0</b>	<b>121.000,0</b>	<b>58.580,6</b>	<b>15.151,0</b>	<b>19.378,4</b>	<b>10.800,0</b>	<b>44.908,4</b>	
1	Trung tâm văn hóa huyện Tuần Giáo	1427/QĐ-UBND ngày 14/8/2022	65.000,0	65.000,0	29.816,8	8.178,0	10.250,2	5.800,0	24.672,2	Tiếp chi
2	Đường liên xã Nà Sáy - Mường Khong	1428/QĐ-UBND ngày 14/8/2022	26.000,0	26.000,0	12.129,2	5.434,0	6.383,8	3.000,0	9.870,8	Tiếp chi
3	Trường PTDTBT tiểu học Khoang Hìn	1429/QĐ-UBND ngày 14/8/2022	30.000,0	30.000,0	16.634,6	1.539,0	2.744,4	2.000,0	10.365,4	Tiếp chi
<b>II</b>	<b>Các dự án khởi công mới năm 2023</b>		<b>30.000,0</b>	<b>30.000,0</b>	<b>15.000,0</b>	<b>432,0</b>	<b>432,0</b>	<b>432,0</b>	<b>432,0</b>	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch vốn NSTW năm 2023 (Bao gồm cả vốn kéo dài)	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
		Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			KLTH từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Lũy kế KLTH 01/01/2023 đến 30/6/2023	Giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Lũy kế GTGN	
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW						
1	Đường liên xã Rạng Đông - Nà Tông	2213/QĐ-UBND 02/12/2022	30.000,0	30.000,0	15.000,0	432,0	432,0	432,0	432,0	KCM
<b>C</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</b>				<b>7.008,3</b>	<b>5.679,1</b>	<b>21.635,6</b>	<b>5.632,1</b>	<b>21.624,0</b>	
<b>I</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</b>				<b>7.008,3</b>	<b>5.679,1</b>	<b>21.635,6</b>	<b>5.632,1</b>	<b>21.624,0</b>	
1	Trụ sở xã Mường Khong		14.900,0	14.155,0	3.934,9	3.934,9	14.155,0	3.934,9	14.155,0	Tiếp chi
2	Đường giao thông bản Yên - Thám Xá xã Mường Thín (giai đoạn 2)		5.900,0	6.185,0	2.208,0	1.583,2	5.560,2	1.583,2	5.548,6	Tiếp chi
3	Nhà văn hóa bản Lội xã Quài Tở		1.950,0	1.850,0	43,6		1.806,4		1.806,4	Tiếp chi
4	Đường từ bản Hồng Lặc xã Nà Sáy - bản Co Đứa xã Mường Khong		12.000,0	2.000,0	728,9	161	114	114	114	Tiếp chi
5	Nhà văn hóa xã Mường Khong		2.300,0		93,0					Tiếp chi

**BIỂU SỐ 02**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MITQG GIÁM NGHÈO BÊN VỮNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023, HUYỆN TUẦN GIẢO**

(Kèm theo Báo cáo số 413/BC-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2023 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn NSTW năm 2023	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		KLTH từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Lũy kế KLTH	Giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Lũy kế GTGN	
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>14.200</b>	<b>11.035</b>	<b>440</b>	<b>440</b>	<b>440</b>	<b>440</b>	<b>440</b>
1	Sửa chữa đường bán Món - bán Hới, xã Quài Tờ		1.100	999					
2	Sửa chữa đường bán Phiêng Pi - Trung Đình - Trại Phong		2.500	2.435					
3	Sửa chữa Nước sinh hoạt bán Hua Sa B, xã Tòa Tỉnh		1.100	999					
4	Sửa chữa đường Rạng Đông - Ta Ma (giai đoạn II)		9.500	6.602	440	440	440	440	440

**BIỂU SỐ 03**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023, HUYỆN TUẦN GIÁO**

*(Kèm theo Báo cáo số 4 IS/ĐC-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2023 của UBND huyện Tuần Giáo)*

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn NSTW năm 2023	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		KLTH từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Lũy kế KLTH từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Lũy kế GTGN	
	<b>TỔNG SỐ (I+II)</b>								
<b>I</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</b>								
I	Trường Trung học cơ sở thị trấn Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	992/QĐ-UBND 31/5/2021	45.000	45.000	8.000	15.150	7.641	22.193	Tiếp chi
<b>II</b>	<b>Các dự án khởi công mới năm 2023</b>								
I	Nâng cấp đường QL6 – TT xã Rạng Đông - TT xã Phình Sáng – Phang Cù, huyện Tuần Giáo.	2098/QĐ-UBND 14/11/2022	80.000	80.000	80.000	3.453	3.387	3.387	KCM

BIỂU SỐ 04

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023, HUYỆN TUẦN GIÁO

(Căn theo Báo cáo số 41/BC-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2023 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn NSDP năm 2023	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		KLTH từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Lũy kế KLTH	Giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Lũy kế GTGN		
	<b>TỔNG SỐ (I+II)</b>			<b>26.480</b>		<b>12.512</b>	<b>45.477</b>	<b>18.662</b>	<b>57.574</b>	
<b>I</b>	<b>Cán đối NSDP (do huyện quản lý)</b>			<b>23.980</b>		<b>12.512</b>	<b>35.967</b>	<b>17.162</b>	<b>48.474</b>	
1	Hạ tầng Nhà máy xử lý rác thải huyện Tuần Giáo	10/QĐ-UBND ngày 25/01/2022	Tổng số (tất cả các nguồn vốn) 110.000	1.159	5.000		3.810	969	3.810	Tiếp chi
2	Đường từ Ngâm Chiêng An đến Khôi Đoàn Kết	76/QĐ-UBND ngày 16/08/2021	40.000	8.849	40.000	5.000	16.182	8.849	21.909	Tiếp chi
3	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên	71/QĐ-UBND ngày 06/08/2021	18.000	6.000	18.000	3.344	6.315	3.344	10.377	Tiếp chi
4	Công viên cây xanh trung tâm huyện Tuần Giáo	77/QĐ-UBND ngày 18/08/2021	33.000	7.972	33.000	4.168	9.660	4.000	12.378	Tiếp chi
<b>II</b>	<b>Cán đối NSDP (do tỉnh quản lý)</b>			<b>2.500</b>			<b>9.510</b>	<b>1.500</b>	<b>9.100</b>	
1	Đường Trung tâm xã Tênh Phóng (Km1-967) - ban Thăm Nậm, huyện Tuần Giáo	1491/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	14.000	2.500	10.100		9.510	1.500	9.100	Tiếp chi

**BIỂU SỐ 05**

**TỈNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023, HUYỆN TUẦN GIÁO**  
(Kèm theo Báo cáo số 413/BC-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2023 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMDT	Kế hoạch vốn năm 2023	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
					KLTH từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Lũy kế KLTH	Giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Lũy kế GTGN	
	<b>TỔNG CỘNG</b>								
<b>A</b>	<b>SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC</b>								
<b>I</b>	<b>Công trình tiếp chi năm 2022</b>								
1	Sửa chữa Trường MN Nậm Dìn, THCS Phình Sáng	Xã Phình Sáng	230.567,5	56.757,5	6.307,5	115.249,3	13.845,8	110.211,7	
2	Sửa chữa Trường MN Chiềng Sinh	Xã Chiềng Sinh	48.300,0	20.924,0	950,0	24.438,8	8.495,0	24.438,8	
3	Sửa chữa Trường MN Bình Minh	Xã Chiềng Đôn	23.300,0	8.354,0	950,0	22.878,8	6.935,0	22.878,8	
4	Sửa chữa Trường MN, TH số 1 Thị trấn	Thị trấn Tuần Giáo	2.500,0	793,0		2.460,4	678,0	2.460,4	
5	Sửa chữa Trường PTDTBT TH&THCS Tênh phòng	Tênh Phòng	2.300,0	1.192,0	950,0	2.392,6	950,0	2.392,6	
6	Sửa chữa Trường TH Mường Mùn	Mường Mùn	3.500,0	1.681,0		3.456,9	1.541,0	3.456,9	
7	Sửa chữa Trường TH&THCS Nà Sáy	Nà Sáy	1.900,0	395,0		1.852,7	291,0	1.852,7	
8	Sửa chữa Trường THCS Mường Mùn	Mường Mùn	2.500,0	778,0		2.485,4	631,0	2.485,4	
9	Sửa chữa Trường PTDTBT THCS Mùn Chung	Mùn Chung	1.500,0	489,0		1.483,8	434,0	1.483,8	
10	Sửa chữa Nhà làm việc Phòng GD&ĐT	Thị trấn Tuần Giáo	2.600,0	555,0		2.540,6	318,0	2.540,6	
<b>II</b>	<b>Công trình khởi công mới 2023</b>		<b>25.000,0</b>	<b>12.570,0</b>	<b>-</b>	<b>1.560,0</b>	<b>1.560,0</b>	<b>1.560,0</b>	
1	Duy tu, sửa chữa trường THCS Chiềng Sinh	Xã Chiềng Sinh	2.200,0	1.000,0		138,0	138,0	138,0	
2	Duy tu, sửa chữa trường THCS Quài Nưa	Xã Quài Nưa	2.400,0	1.000,0		150,0	150,0	150,0	
3	Duy tu, sửa chữa trường THCS Mường Khong	Xã Mường Khong	1.700,0	1.000,0		119,0	119,0	119,0	
4	Duy tu, sửa chữa trường THCS Mường Thín	Xã Mường Thín	1.900,0	1.100,0		201,0	201,0	201,0	
5	Duy tu, sửa chữa trường TH Mùn Chung	Xã Mùn Chung	3.200,0	1.400,0		125,0	125,0	125,0	
6	Duy tu, sửa chữa trường TH Số 1 Quài Nưa	Xã Quài Nưa	2.000,0	1.000,0		115,0	115,0	115,0	
7	Duy tu, sửa chữa trường TH Số 2 Quài Nưa	Xã Quài Nưa	1.600,0	900,0		96,0	96,0	96,0	
8	Duy tu, sửa chữa trường MN Mường Thín	Xã Mường Thín	1.600,0	900,0		94,0	94,0	94,0	
9	Duy tu, sửa chữa trường MN Nà Sáy	Xã Nà Sáy	1.500,0	800,0		85,0	85,0	85,0	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMDT	Kế hoạch vốn năm 2023	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
					KL/TH từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Lũy kế KL/TH	Giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Lũy kế GTGN	
10	Duy tu, sửa chữa trường MN Phình Sáng	Xã Phình Sáng	1.800,0	1.100,0		113,0	113,0	113,0	
11	Duy tu, sửa chữa trường MN Ta Ma	Xã Ta Ma	2.500,0	1.170,0		157,0	157,0	157,0	
12	Duy tu, sửa chữa trường MN Mường Mùn	Xã Mường Mùn	2.600,0	1.200,0		167,0	167,0	167,0	
<b>B</b>	<b>SỰ NGHIỆP GIAO THÔNG</b>		<b>105.797,5</b>	<b>20.088,4</b>		<b>3.741,8</b>	<b>51.650,0</b>	<b>3.427,4</b>	<b>49.658,3</b>
<b>I</b>	<b>Công trình tiếp chi</b>		<b>80.897,5</b>	<b>3.488,4</b>		<b>3.093,3</b>	<b>50.346,9</b>	<b>2.778,9</b>	<b>49.009,8</b>
*	<b>Ban QLDA các công trình huyện</b>		<b>80.897,5</b>	<b>3.488,4</b>		<b>3.093,3</b>	<b>50.346,9</b>	<b>2.778,9</b>	<b>49.009,8</b>
1	Nâng cấp đường vào bản Phiêng Cãi	Xã Ta Ma	2.300,0	12,0		2.027,1	11,3	11,3	2.027,1
2	Nâng cấp đường vào bản Xá Tỳ (giai đoạn I)	Xã Tênh Phòng	5.500,0	3,4		5.003,4	3,4	3,4	5.003,4
3	Nâng cấp đường, ngầm trần bản Nậm Cá	Xã Nà Sáy	4.000,0	40,6		3.698,2			3.657,7
4	Nâng cấp đường vào bản Kéo Lạ	Xã Nà Sáy	2.300,0	58,8		2.076,8			2.018,0
5	Nâng cấp đường vào bản Gia Bọp (Giai đoạn 2)	Xã Mường Mùn	4.000,0	0,2		3.809,7	0,2	0,2	3.809,7
6	Nâng cấp cầu bản Xuân Tươi	Xã Mường Mùn	3.200,0	27,6		2.054,3	27,6	27,6	2.054,3
7	Nâng cấp đường vào bản Khó Bua - bản Xá Tỳ	Xã Pú Nhung	4.860,0	119,6		4.665,4			4.545,8
8	Nâng cấp đường vào bản Phình Sáng	Xã Phình Sáng	1.800,0	71,4		1.771,4			1.700,0
9	Sửa chữa đường Nậm Dìn - Phàng Cù	Xã Phình Sáng	1.100,0	48,3		988,4			940,1
10	Nâng cấp đường vào bản Háng Khúa	Xã Phình Sáng	2.200,0	664,6		561,4	561,4	561,4	2.061,4
11	Nâng cấp đường bản Đưa - bản Pậu	Xã Quài Tờ	2.650,0	7,0		2.602,8	7,0	7,0	2.602,8
12	Đường QL6 - bản Cắm	Xã Quài Cang	3.400,0	72,7		3.265,4			3.192,6
13	Đường liên bản Cắm - bản Sáng	Xã Quài Cang	1.750,0	42,0		1.641,6			1.599,6
14	Ngầm trần liên hợp bản Thìn A-B xã Mường Thìn	Xã Mường Thìn	2.100,0	69,3		1.899,3			1.830,0
15	Sửa chữa đường bao quanh sân vận động huyện Tuần Giáo	Thị trấn Tuần Giáo	1.100,0	33,5		1.083,5			1.050,0
16	Đường từ bản Mu - bản Cườm	Xã Quài Cang	3.760,0	67,2		67,2	67,2	67,2	67,2
17	Đường bê tông từ QL 279 - bản Vánh 3	Xã Chiềng Đông	2.849,0	69,2		69,2	69,2	69,2	69,2
18	Đường QL6 - bản Co Săn, xã Mùn Chung	Xã Mùn Chung	9.600,0	6,8		6,8	6,8	6,8	6,8
19	Sửa chữa đường bản Bó - bản Nôm - bản Chăn, xã Chiềng Đông	Xã Chiềng Đông	5.128,5	8,0		8,0	8,0	8,0	8,0
20	Nâng cấp ngầm trần bản Hua Ca	Xã Quài Tờ	2.000,0	170,8		121,2	121,2	121,2	1.870,8



STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMDT	Kế hoạch vốn năm 2023	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
					KLTH từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Lũy kế KLTH	Giai ngân từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Lũy kế GTGN	
21	Sửa chữa đường Rạng Đông - Ta Ma	Xã Rạng Đông, xã Ta Ma	5.500,0	895,4	895,4	5.096,6	895,4	4.895,4	
22	Nâng cấp đường vào bản Hua Ca - Thẩm Pao xã Quài Tở (giai đoạn 1)	Xã Quài Tở	9.800,0	1.000,0	1.439,0	4.476,6	1.000,0	4.000,0	
<b>II</b>	<b>Khởi công mới năm 2023</b>		<b>24.900,0</b>	<b>16.600,0</b>	<b>648,5</b>	<b>1.303,1</b>	<b>648,5</b>	<b>648,5</b>	
*	<b>Ban QLDA các công trình huyện</b>		<b>14.500,0</b>	<b>8.600,0</b>	<b>648,5</b>	<b>648,5</b>	<b>648,5</b>	<b>648,5</b>	
1	Sửa chữa đường Mường Thín - Mường Mùn (Giai đoạn 1)	Xã Mường Thín - Mường Mùn	9.200,0	4.000,0	487,9	487,9	487,9	487,9	
2	Sửa chữa đường bản Cán - bản Phú xã Quài Cang	Xã Quài Cang	3.300,0	3.000,0	160,6	160,6	160,6	160,6	
3	Sửa chữa đường từ ngã ba bản Mu - bản Cường và đường vào bản Sái Trong	Xã Quài Cang	2.000,0	1.600,0					
*	<b>Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện</b>		<b>10.400,0</b>	<b>8.000,0</b>	<b>-</b>	<b>654,6</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	Sửa chữa đường bản Nong Giàng, xã Quài Nưa	Xã Quài Nưa	1.200,0	1.000,0		89,3			
2	Sửa chữa đường vào bản Nọng Luom, xã Quài Nưa	Xã Quài Nưa	1.200,0	1.000,0		76,6			
3	Sửa chữa mặt đường + Kè bao vệ nền đường lên Nghĩa trang nhân dân thị trấn Tuần Giáo	Thị trấn Tuần Giáo	3.000,0	2.000,0		120,0			
4	Sửa chữa đường bản Ly Xôm - bản Ên Pậu, xã Quài Tở (Giai đoạn 2)	Xã Quài Tở	1.500,0	1.200,0		103,1			
5	Sửa chữa đường vào bản Nà Tông	Xã Nà Tông	1.500,0	1.200,0		112,6			
6	Sửa chữa đường bản Thín A - Thín B, xã Mường Thín	Xã Mường Thín	1.000,0	800,0		76,5			
7	Sửa chữa đường bản Co En, bản Ta Léch, bản Bó Léch và khu trung tâm xã Mùn Chung	Xã Mùn Chung	1.000,0	800,0		76,5			
<b>C</b>	<b>SỰ NGHIỆP THỦY LỢI</b>		<b>16.100,0</b>	<b>5.724,0</b>	<b>258,9</b>	<b>9.966,2</b>	<b>559,1</b>	<b>9.324,6</b>	
<b>I</b>	<b>Công trình tiếp chi</b>		<b>10.000,0</b>	<b>824,0</b>	<b>258,9</b>	<b>9.589,4</b>	<b>559,1</b>	<b>9.324,6</b>	
*	<b>Ban QLDA các công trình huyện</b>		<b>10.000,0</b>	<b>824,0</b>	<b>258,9</b>	<b>9.589,4</b>	<b>559,1</b>	<b>9.324,6</b>	
1	Nâng cấp thủy lợi bản Khá, bản Sái Ngoài	Xã Quài Cang	2.500,0	395,5		2.445,4	291,5	2.341,5	Trả nợ sau QT
2	Nâng cấp kênh nội đồng bản Che Phai + bản Kéep (giai đoạn 2)		3.900,0	364,5	258,9	3.864,5	258,9	3.758,9	Trả nợ sau QT
3	Sửa chữa, nâng cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Ta Ma	Xã Ta Ma	600,0	21,8		536,3		514,5	Trả nợ sau QT
4	Nâng cấp thủy lợi Bó Léch + kênh bản Phiêng Pên	Xã Mùn Chung	1.600,0	8,7		1.525,5	8,7	1.525,5	Trả nợ sau QT

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMDT	Kế hoạch vốn năm 2023	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
					KLTH từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Lũy kế KLTH	Giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Lũy kế GTGN	
5	Nâng cấp thủy lợi bản Sao	Xã Quai Cang	1.400,0	33,5		1.217,7		1.184,2	Trả nợ sau QT
<b>II</b>	<b>Khởi công mới năm 2023</b>		<b>6.100,0</b>	<b>4.900,0</b>	-	<b>376,8</b>		-	
*	<b>Phòng Nông nghiệp và PTNT</b>		<b>6.100,0</b>	<b>4.900,0</b>	-	<b>376,8</b>		-	
1	Sửa chữa kênh thủy lợi Nong Tấu, thị trấn Tuần Giáo	Thị trấn Tuần Giáo	1.500,0	1.200,0		80,5			
2	Sửa chữa thủy lợi Ná Hóc, xã Quai Tờ	Xã Quai Tờ	700,0	500,0		42,0			
3	Sửa chữa công trình thủy lợi bản Yên xã Mường Thín	Xã Mường Thín	1.000,0	800,0		62,1			
4	Sửa chữa công trình thủy lợi bản Muồng, bản Hóc, bản Đòng Thập, xã Mường Thín	Xã Mường Thín	1.200,0	900,0		90,2			
5	Sửa chữa kênh thủy lợi Nậm Chăn, xã Chiềng Đông	Xã Chiềng Đông	1.700,0	1.500,0		102,0			
<b>D</b>	<b>SỰ NGHIỆP KINH TẾ KHÁC</b>		<b>55.870,0</b>	<b>7.484,2</b>	<b>1.356,9</b>	<b>28.944,2</b>		<b>1.364,3</b>	<b>26.789,9</b>
<b>I</b>	<b>Công trình tiếp chi</b>		<b>49.470,0</b>	<b>2.884,2</b>	<b>1.356,9</b>	<b>28.541,3</b>		<b>1.364,3</b>	<b>26.789,9</b>
*	<b>Ban QLDA các công trình huyện</b>			<b>2.884,2</b>	<b>1.356,9</b>	<b>28.541,3</b>		<b>1.364,3</b>	<b>26.789,9</b>
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất đầu giá QSD đất khối Trường Xuân (kho lương thực cũ)	Thị trấn Tuần Giáo	1.000,0	54,6		846,5		791,9	Trả nợ sau QT
2	Trường mầm non Tênh Phong huyện Tuần Giáo	Xã Tênh Phong	3.920,0	69,6		3.475,4		3.405,8	Trả nợ sau QT
3	Sửa chữa sân huyện ủy, HĐND-UBND huyện Tuần Giáo	Thị trấn Tuần Giáo	1.050,0	36,4		1.036,4		1.000,0	Trả nợ sau QT
4	Sửa chữa trụ sở huyện ủy	Thị trấn Tuần Giáo	5.000,0	28,1		4.898,9		4.870,8	Trả nợ sau QT
5	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất đầu giá QSD đất khối Sơn Thủy (giáp cây xăng)	Thị trấn Tuần Giáo	7.200,0	43,7		1.173,7		1.130,1	Trả nợ sau QT
6	Trường mầm non Sao Mai huyện Tuần Giáo	Xã Ná Tông	3.750,0	40,3		3.558,5		3.518,2	Trả nợ sau QT
7	Khắc phục hậu quả thiên tai công trình khu TĐC thị trấn Tuần Giáo	Thị trấn Tuần Giáo	1.300,0	45,3		1.076,4		1.031,1	Trả nợ sau QT
8	Trạm dừng nghỉ đèo Pha Đin	Xã Tòa Tình	11.850,0	57,1		197,1		140,0	Trả nợ sau QT
9	Cấp nước trạm dừng nghỉ đèo Pha Đin	Xã Tòa Tình	1.400,0	2,8		101,4		98,6	Trả nợ sau QT
10	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu trung tâm thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo tỉnh Điện Biên	Thị trấn Tuần Giáo	3.900,0	7,4		3.492,6		3.492,6	Trả nợ sau QT
11	Sửa chữa, cải tạo trụ sở HĐND-UBND huyện	Thị trấn Tuần Giáo	4.100,0	103,6		4.065,2		3.961,7	Trả nợ sau QT
12	Sửa chữa trụ sở lên cơ quan	Thị trấn Tuần Giáo	2.300,0	14	1.356,9	2.144,8		1.856,9	Trả nợ sau QT

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMDT	Kế hoạch vốn năm 2023	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ghi chú
					KLTH từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Lũy kế KLTH	Giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Lũy kế GTGN	
13	Sửa chữa nhà khách UBND huyện	Thị trấn Tuần Giỏi	2.500,0	750,6		2.474,4		1.492,3	
<b>II</b>	<b>Khởi công mới năm 2023</b>		<b>6.400,0</b>	<b>4.600,0</b>	-	<b>402,9</b>	-	-	
*	<b>Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện</b>		<b>6.400,0</b>	<b>4.600,0</b>	-	<b>402,9</b>	-	-	
1	Sửa chữa Trụ sở xã Nà Sáy	Xã Nà Sáy	1.200,0	1.000,0		78,1			
2	Sửa chữa Trụ sở + Nhà Văn hóa xã Mường Thín	Xã Mường Thín	1.100,0	800,0		74,4			
3	Sửa chữa trụ sở xã Rạng Đông	Xã Rạng Đông	650,0	400,0		42,0			
4	Sửa chữa trụ sở xã Chiềng Đông	Xã Chiềng Đông	650,0	400,0		45,2			
5	Sửa chữa trụ sở xã Nà Tông	Xã Nà Tông	650,0	400,0		44,4			
6	Sửa chữa trụ sở xã Pú Nhung	Xã Pú Nhung	850,0	600,0		58,8			
7	Sửa chữa trụ sở xã Pú Xi	Xã Pú Xi	1.300,0	1.000,0		60,0			
<b>E</b>	<b>HỖ TRỢ ĐẤT LỬA</b>		<b>4.500,0</b>	<b>2.537,0</b>	-	<b>250,0</b>	-	-	
<b>I</b>	<b>Khởi công mới năm 2023</b>		<b>4.500,0</b>	<b>2.537,0</b>	-	<b>250,0</b>	-	-	
*	<b>Phòng Nông nghiệp và PTNT</b>		<b>4.500,0</b>	<b>2.537,0</b>	-	<b>250,0</b>	-	-	
1	Nâng cấp, Sửa chữa thủy lợi Chiềng Ban, xã Mùn Chung	Xã Mùn Chung	4.500,0	2.537,0		250,0			

**BIỂU SỐ 06**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023, HUYỆN TUẦN GIÁC**  
(Kèm theo Báo cáo số 413 BC-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2023 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư	KH vốn năm 2023	Khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Chí chú
					KLTH từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Lũy kế KLTH	Giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Lũy kế GTGN	
	<b>TỔNG CỘNG (I+II)</b>								
<b>I</b>	<b>Ban Quản lý dự án các công trình</b>		<b>37.950,0</b>	<b>15.550,3</b>	<b>4.030,0</b>	<b>10.809,0</b>	<b>3.280,3</b>	<b>10.345,0</b>	
*	<b>Công trình KCM 2022</b>		<b>27.750,0</b>	<b>9.100,3</b>	<b>4.030,0</b>	<b>8.482,4</b>	<b>3.280,3</b>	<b>8.018,4</b>	
1	Nâng cấp cầu khối Đồng Tâm + Mặt đường khối Huổi Cù, thị trấn Tuần Giáo	TT Tuần Giáo	4.600,0	1.700,0	600,0	862,9		929,0	
2	Nâng cấp sửa chữa đường bản Cù, bản Bó Giàng xã Quài Nưa	Xã Quài Nưa	3.600,0	1.200,0	1.200,0	1.429,7	1.200,0	1.429,7	
3	Nâng cấp cầu đi bản Co Muông, xã Nà Tông	Xã Nà Tông	4.500,0	1.000,0		219,7		219,7	
4	Nâng cấp sửa chữa đường bản Cán, bản Sáng, bản Sáo	Xã Quài Cang	3.000,0	1.000,0	1.100,0	1.303,2	1.000,0	1.203,2	
5	Nâng cấp sửa chữa đường bản Hàng Tàu, xã Tòa Tình	Xã Tòa Tình	2.100,0	600,3	650,0	1.738,6	600,3	1.688,9	
6	Công chào huyện Tuần Giáo	Xã Quài Tơ	1.800,0	400,0	380,0	1.772,7	380,0	1.772,7	
7	Hạ tầng khu đất trụ sở xã Quài tơ (cũ)	Xã Quài Tơ	1.050,0	200,0	100,0	775,2	100,0	775,2	
8	Đường nội bản Nậm Din + Hàng Khúa xã Phình Sáng	Xã Phình Sáng	3.600,0	1.500,0		235,8			
9	Cửa hàng giới thiệu sản phẩm OCOP	TT Tuần Giáo	3.500,0	1.500,0		144,6			
*	<b>Công trình tiếp chi</b>		<b>10.200,0</b>	<b>3.750,0</b>	<b>-</b>	<b>2.326,6</b>	<b>-</b>	<b>2.326,6</b>	
10	Nâng cấp đường nội thị khối Tân Giang	TT Tuần Giáo	5.200,0	500,0		2.022,0		3.019,2	
11	Nâng cấp đường khối 20/7 - bản Đông	TT Tuần Giáo	5.000,0	3.250,0		304,6		304,6	
<b>II</b>	<b>UBND thị trấn Tuần Giáo</b>			<b>2.700,0</b>					

**BIÊN TỌNG HỌP KẾT QUẢ THỰC HIỆN 3 CHỨC NĂNG TRÌNH TRÌNH MIQTQ 6 THÁNG NĂM 2023**

(Kèm theo Báo cáo số 41/BC-T.UBND ngày 12 tháng 6 năm 2023 của UBND huyện Thuận Giàu)

STT	NỘI DUNG	Kết quả giải ngân 6 tháng đầu năm (so với cùng kỳ năm trước)			Trong đó		Nội dung đã triển khai, thực hiện	Dự kiến thực hiện trong Quý III, Quý IV/2023	Tỷ lệ giải ngân trên tổng vốn được cấp	Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn giao năm 2023	Vốn chuyển n năm 2022 sang	Vốn chuyển n năm 2023 sang					
	<b>TỔNG CỘNG:</b>	<b>329.420</b>	<b>275.545</b>	<b>53.875</b>	<b>74.177</b>	<b>68.545</b>	<b>5.632</b>	<b>32,5%</b>		
-	Vốn đầu tư	178.750	148.170	30.589	73.190	67.558	5.632	40,9%		
-	Vốn sự nghiệp	150.661	127.375	23.286	987	987	0	0,7%		
1	Chương trình MIQTQ Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	191.145	176.667	14.478	56.326	56.326		29%		
1	- Vốn đầu tư	98.170	98.170	0	56.326	56.326		57%	Tiếp tục triển khai thực hiện trong Quý III, Quý IV/2023	
2	- Vốn sự nghiệp	92.975	78.497	14.478	0	0				
2.1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt	4.451	4.318	133	0	0				
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề (sự nghiệp kinh tế)	2.018	2.018						Thực hiện trong Quý III, Quý IV/2023	
-	Hỗ trợ mức sinh hoạt phần lớn (sự nghiệp kinh tế)	2.433	2.309	133						
2.2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	56.343	48.590	7.753	0	0				
-	Tiền dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng đặc hiệu quý, thực địa khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN (sự nghiệp kinh tế)	48.590	48.590	7.753						
2.3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công nghiệp của tỉnh	5.260	5.260							
-	Tiền dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN (sự nghiệp kinh tế)	5.260	5.260							
2.4	Dự án 5: Phát triển giáo dục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	17.383	12.674	4.709						
-	Tiền dự án 2: Bổ dưỡng kiến thức, đào tạo, đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN (sự nghiệp giáo dục)	1.976	1.631	285						
-	Tiền dự án 3: Dự án phát triển giao dịch nông nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN (sự nghiệp giáo dục)	15.407	11.043	4.424						
2.5	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống (tổ chức các cuộc thi đọc hiểu số gần với phát triển du lịch (sự nghiệp văn hóa thông tin)	753	483	270						
2.6	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em (đảm bảo xã hội)	5.084	3.846	1.238						

STT	NỘI DUNG	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Dự kiến triển khai thực hiện	Tỷ lệ giải ngân trên tổng vốn giao (%)	Ghi chú
		Vốn giao năm 2023	Vốn chuyển nguồn năm 2023 sang		Vốn giao năm 2023	Vốn chuyển nguồn năm 2023 sang				
2.7	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	1.007	191	1.198	1.007	191	1.198	Triển khai thực hiện trong Quý III, Quý IV/2023		
-	Tiền dự án 2: Giám thiểu ứng dụng tin học và hơn nữa các kỹ thuật thông tin trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (dành cho xã mới)	1.007	816	1.823	1.007	816	1.823	Đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện. Dự kiến thực hiện các nội dung: - Hội nghị tổng hợp triển khai truyền về tin học và hơn nữa các kỹ thuật thông tin - Lập kế hoạch triển khai thực hiện - Tổ chức: tham quan học hỏi tại các địa phương		
2.8	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS/KM. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	2.694	184	2.878	2.694	184	2.878			
-	Tiền dự án 1: Biên chương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào, truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (sự nghiệp văn hóa thông tin)	1.527	1.527	3.054	1.527	1.527	3.054	Đã xây dựng phòng sự nghiệp truyền, xây dựng nội dung và làm tờ rơi tuyên truyền về xây dựng văn hóa thông tin		
-	Tiền dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sự nghiệp văn hóa thông tin)	502	432	934	502	432	934	Đã gửi Văn bản hỏi Ban dân tộc và đang chờ văn bản hướng dẫn. Và chờ hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông		
-	Tiền dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình (sự nghiệp kinh tế)	665	551	1.216	665	551	1.216	- Đã ban hành KH và tiến hành kiểm tra, giám sát được 06/18 xã. - Một nội dung để tập huấn về công tác kiểm tra giám sát		
II	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	130.857	32.389	163.246	130.857	32.389	163.246	Triếp tục triển khai thực hiện trong Quý III, Quý IV/2023	0,09	
1	- Vận đầu tư	73.581	50.000	123.581	73.581	50.000	123.581	Triển khai giải ngân tiếp vốn trong năm 2023		
2	- Vốn sự nghiệp	57.276	48.488	105.764	57.276	48.488	105.764		0,02	
-	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	10.714	10.714	21.428	10.714	10.714	21.428			
-	Tiền dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	4.304	4.304	8.608	4.304	4.304	8.608	Đầu tư duy tu, sửa chữa 03 công trình. Đang hoàn thiện công tác CBDDT		
-	Tiền dự án 2: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	6.410	6.410	12.820	6.410	6.410	12.820	Đầu tư sửa chữa 01 công trình. Đã phê duyệt Báo cáo KTKT		
-	Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (sự nghiệp kinh tế)	15.539	4.416	19.955	15.539	4.416	19.955	Các xã đã tổ chức họp dân, đăng ký hỗ trợ. Trong tháng xem kỹ mức ca, trong có phục vụ chính sách, lấy ý kiến của địa phương và máy móc nông cụ hỗ trợ sản xuất...		
-	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	8.495	6.623	15.118	8.495	6.623	15.118		0,01	
-	Tiền dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp (sự nghiệp kinh tế)	6.680	4.808	11.488	6.680	4.808	11.488	Các xã đã tổ chức họp dân, đăng ký hỗ trợ. Trong tháng xem kỹ mức ca, trong có phục vụ chính sách, lấy ý kiến của địa phương và máy móc nông cụ hỗ trợ sản xuất... - SO LHPU CỤ, THE		
-	Tiền dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng (sự nghiệp xã hội dân số và gia đình)	1.815	1.815	3.630	1.815	1.815	3.630	Đã xây dựng KH với 3 hoạt động chính: - Hoạt động can thiệp phòng chống suy dinh dưỡng: liên hệ chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng, tổ chức sinh hoạt trên địa bàn huyện nghèo. - Hoạt động về truyền thông dinh dưỡng: - Hoạt động kiểm tra, giám sát, khảo sát, đánh giá thực hiện Hiện đã tiến hành khảo sát, đo, đánh giá, phân loại trẻ từ 0 đến 5 tháng tuổi Suy dinh dưỡng trên địa bàn huyện. Đang tiến hành phân loại đối tượng trẻ suy dinh dưỡng trong tháng và trẻ trên địa bàn để triển khai các hoạt động tiếp theo	0,04	
-	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	7.542	5.566	13.108	7.542	5.566	13.108		0,10	
-	Tiền dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (sự nghiệp giáo dục)	4.720	3.450	8.170	4.720	3.450	8.170		0,15	

STT	NỘI DUNG	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Dự kiến triển khai thực hiện	Tỷ lệ giải ngân trên tổng vốn giao (%)	Ghi chú
		Vốn giao năm 2023	Vốn chuyển ngân năm 2023 sang		Vốn giao năm 2023	Vốn chuyển n năm 2023 sang			
	Hỗ trợ cơ quan quản lý và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập	2.850	1.034						
	Hỗ trợ dự án 2: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo (sự nghiệp kinh tế)	1.870	1.634	728	728			0,39	
	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (sự nghiệp kinh tế)	1.255	979	276					
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững (sự nghiệp kinh tế)	1.567	1.137	430					
	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo (sự nghiệp kinh tế)	10.660	10.660						
	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	2.577	2.207	370					
	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	2.100	1.730	370					
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	477	477						
	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giảm sút, đánh giá Chương trình	1.719	1.575	174	179	179		0,10	
	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	1.231	1.067	170	179	179		0,15	

STT	NỘI DUNG	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Nội dung đã triển khai, thực hiện	Dự kiến triển khai thực hiện	Tỷ lệ giải ngân trên tổng vốn giao (%)	Ghi chú
		Vốn giao năm 2023	Vốn chuyển ngân năm 2022 sang		Vốn giao năm 2023	Vốn chuyển ngân năm 2022 sang				
	Tiền dự án 2: Giảm sút, đình giá	518	514	4			Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ hoặc đột xuất. rà soát bộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đói nghèo, giảm nghèo và xuất khẩu. Từ đầu năm đến nay chưa tổ chức thực hiện kiểm tra	Thời gian thực hiện Quý 2,3,4/2023, dự kiến hoàn thành quý 4/2023		
III	Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	7.418	410	7.008	5.632	0	5.632		76%	
1	- Vốn dẫn tư	7.008	7.008	7.008	5.632			Thực tế triển khai thực hiện trong Quý III, Quý IV/2023	80%	
2	- Vốn sự nghiệp	410	410							
	Triển khai Chương trình mới xã mới sản phẩm (OCOP) gắn với lợi thế vùng miền; phát triển tiêu thụ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống, or nông thôn;	200	200				Đã xây dựng kế hoạch với nội dung: - Xây dựng 2 sản phẩm OCOP: Cider táo mèo (trough vàng táo mèo) của HTX nông sản sạch Tây Bắc; Bì xanh Thuận của Hợp tác xã trồng rừng, cây được liệu xã Phú Bình Sơn; - Sản xuất sản phẩm từ 3 sào, lên 4 sào vốn sản phẩm: Cà phê bột hồng kỳ (HK) của Công ty có phần cổ phần Hồng Kỳ Quốc Tế. - Chỉ giới thường cho các sản phẩm đạt 3 sào được UBND tỉnh công nhận năm 2022. - Chỉ 1 xã được danh giá phần hàng sản phẩm OCOP...	Triển khai thực hiện trong Quý III, Quý IV/2023		
	Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.	210	210				Đã xây dựng Kế hoạch tuyển chọn, tập huấn	Triển khai thực hiện trong Quý III, Quý IV/2023		